

ÔN TẬP LỚP 6

HỌC KỲ 1 (ÔN THI TIN HỌC 6 HỌC KỲ 1)

CĐ A bài 1: Thông tin thu nhận và xử lý thông tin (Ôn câu 2,3,4,5,7,8,11,13,15,20)

CĐ A bài 2: Lưu trữ và trao đổi thông tin (Ôn câu: 1,3,6,7,9,10,11,12,13,14)

CĐ A bài 5: Dữ liệu trong máy tính (Ôn câu: 1,2,3,4,5,6,7,9,11,12)

CĐ B bài 1: Khái niệm và lợi ích của mạng máy tính (Ôn câu: 2,3,4,5,6,7,8,10,17,18)

CĐ B bài 2: Các thành phần của mạng máy tính (Ôn câu: 1,5,6,8,11,12,13,14,16,17)

CĐ B bài 3: Mạng có dây và mạng không dây

CĐ C bài 1: Thông tin trên web

CĐ C bài 2: Truy cập thông tin trên internet

CĐ C bài 3: Giới thiệu máy tìm kiếm

CĐ C bài 5: Giới thiệu thư điện tử

HỌC KỲ 2

CĐ D bài 1: Mặt trái của Internet

CĐ D bài 2: Sự an toàn và hợp pháp khi sử dụng thông tin

CĐ E bài 1: Tìm kiếm và thay thế trong soạn thảo văn bản

CĐ E bài 2: Trình bày trang, định dạng và in văn bản

CĐ E bài 4: Trình bày thông tin ở dạng bảng

CĐ E bài 6: Sơ đồ tư duy

SAU THI HỌC KỲ 2

CĐ F bài 1: Khái niệm thuật toán

CĐ F bài 2: Mô tả thuật toán, cấu trúc tuần tự trong thuật toán

CĐ F bài 3: Cấu trúc rẽ nhánh trong thuật toán

CĐ F bài 4: Cấu trúc lặp trong thuật toán

[Cánh diều] Trắc nghiệm tin học 6 CD A bài 1: Thông tin thu nhận và xử lí thông tin

(Ôn câu 2,3,4,5,7,8,11,13,15,20)

Câu 1: Phát biểu nào sau đây đúng về lợi ích của thông tin?

- A. Có độ tin cậy cao, đem lại hiểu biết cho con người.
- B. Đem lại hiểu biết cho con người, không phụ thuộc vào dữ liệu
- C. Có độ tin cậy cao, không phụ thuộc vào dữ liệu
- D. Đem lại hiểu biết và giúp con người có những lựa chọn tốt.**

Câu 2: Phương án nào sau đây là thông tin?

- A. Các con số thu thập được qua cuộc điều tra dân số.
- B. Phiếu điều tra dân số.**
- C. Kiến thức về phân bố dân cư.
- D. Tập lưu trữ tài liệu về điều tra dân số

Câu 3: Con người thu nhận thông tin trực tiếp nhờ:

- A. Vật mang tin
- B. năm giác quan**
- C. Bộ não
- D. Cả ba phương án trên đều đúng

Câu 4: Bảng chỉ dẫn là:

- A. Vật mang tin**
- B. Thông tin
- C. Dữ liệu
- D. Vật mang tin, thông tin và dữ liệu

Câu 5: Theo em, màn hình máy tính thuộc:

- A. Thiết bị vào
- B. Thiết bị ra**
- C. Bộ xử lí
- D. Thiết bị lưu trữ.

Câu 6: Trình tự các bước thu nhận và xử lí thông tin của bộ não con người:

- A. Thu nhận thông tin -> xử lí thông tin -> ra quyết định**
- B. Xử lí thông tin -> Thu nhận thông tin -> ra quyết định
- C. Ra quyết định -> thu nhận thông tin -> xử lí thông tin
- D. Xử lí thông tin -> ra quyết định -> thu nhận thông tin

Câu 7: Tai người bình thường có thể tiếp nhận thông tin nào dưới đây:

- A. Tiếng chim hót**
- B. Đi học mang theo áo mưa
- C. Ăn sáng trước khi đến trường
- D. Hẹn bạn Hương cùng đi học.

Câu 8: Theo em, CPU thuộc:

- A. Thiết bị vào
- B. Thiết bị ra
- C. Bộ xử lí**
- D. Thiết bị lưu trữ.

Câu 9: Mắt thường không thể tiếp nhận thông tin nào dưới đây?

- A. Đàn kiến đang “tấn công” lộ đường quên đập nắp;
- B. Những con vi trùng gây bệnh lỵ lẫn trong thức ăn bị ôi thiu;**

- C. Rác bẩn vứt ngoài hành lang lớp học;
- D. Bạn Phương quên không đeo khăn quàng đỏ.

Câu 10: Buổi tối nghe bố nhắc: "Ngày mai là mừng 2 tháng 9 đấy!", em chuẩn bị sẵn cờ Tổ quốc để mang treo trước cửa nhà sáng sớm hôm sau. Em hãy cho biết thông tin đầu vào:

- A. Ngày mai là Quốc khánh
- B. Ngày quốc khánh treo cờ tổ quốc
- C. Ngày mai là mừng 2 tháng 9**
- D. Sáng sớm treo cờ chào mừng Quốc khánh

Câu 11: Chúng ta gọi dữ liệu hoặc lệnh được nhập vào máy tính là :

- A. dữ liệu được lưu trữ.
- B. thông tin vào**
- C. thông tin ra
- D. thông tin máy tính

Câu 12: Vì sao nói "Máy tính là thiết bị hỗ trợ con người xử lí thông tin một cách hiệu quả"?

- A. Nó có thể thực hiện nhanh các lệnh, tính toán chính xác
- B. Nó có thể xử lí nhiều dạng thông tin, lưu trữ thông tin với dung lượng lớn
- C. Nó hoạt động bền bỉ
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng**

Câu 13: "Em nghe loa phát thanh, biết hôm nay là Kỷ niệm 10 năm thành lập trường". Theo em, đó là thông tin dạng gì?

- A. Dạng hình ảnh
- B. Dạng số
- C. Dạng âm thanh**

D. Dạng chữ

Câu 14: Mắt không thể tiếp nhận thông tin từ dữ liệu nào sau đây?

A. Đàn kiến “tấn công” lộ đường quên đập nắp

B. Rác bẩn vớt trên sân trường

C. Vi khuẩn Ecoli gây bệnh lị lẫn trong thức ăn

D. Màu sắc của những bông hoa

Câu 15: Khi em nhìn thấy một cảnh đẹp, thì mắt tham gia vào hoạt động nào trong quá trình xử lí thông tin?

A. Thu nhận thông tin

B. Truyền thông tin

C. Xử lí thông tin

D. Truyền thông tin

Câu 16: “Kĩ sư xem bản vẽ để chỉ huy xây dựng công trình”. Theo em, vật mang tin trong tình huống này là gì?

A. Kĩ sư

B. Bộ não ghi nhớ thông tin của kỹ sư

C. Bản vẽ trên giấy

D. Cả ba phương án trên đều đúng

Câu 17: Trước khi sang đường theo em, con người cần phải xử lý những thông tin gì?

A. Quan sát xem có phương tiện giao thông đang đến gần không

B. Nghĩ về bài toán hôm qua trên lớp chưa làm được

C. Quan sát xem đèn tín hiệu giao thông đang bật màu gì

D. Kiểm tra lại đồ dùng học tập đã có đủ trong cặp sách chưa;

Câu 18: Em là sao đỏ của lớp. Theo em, thông tin nào dưới đây không phải là thông tin cần xử lí (thông tin vào) để xếp loại các tổ cuối tuần?

A. Số lượng điểm 10.

B. Số các bạn bị ghi tên vì đi muộn.

C. Số bạn mặc áo xanh.

D. Số bạn bị cô giáo nhắc nhở.

Câu 19: Cho tình huống: ‘Em thấy quả cam có màu vàng, biết nó sắp chín’, em hãy chọn đáp án đúng nhất trong các câu sau:

A. Quả cam có màu vàng là kết quả xử lý thông tin

B. Quả cam sắp chín là thông tin vào

C. Quả cam có màu vàng là thông tin vào. Quả cam sắp chín là kết quả xử lý thông tin

D. Quả cam có màu vàng, biết nó sắp chín là thông tin vào

Câu 20: Nghe bản tin dự báo thời tiết “Ngày mai trời có thể mưa”, em sẽ xử lý thông tin và quyết định như thế nào (thông tin ra) ?

A. Mặc đồng phục

B. Đi học mang theo áo mưa

C. Ăn sáng trước khi đến trường

D. Hẹn bạn Trang cùng đi học.

[Cánh điều] Trắc nghiệm tin học 6 CĐ A bài 2: Lưu trữ và trao đổi thông tin

(Ôn câu: 1,3,6,7,9,10,11,12,13,14)

Câu 1: Trong hoạt động thông tin của con người, não người đóng vai trò:

- A. Quan trọng
- B. Trung tâm**
- C. Bình thường
- D. Một đáp án khác

Câu 2: Biển báo sau chứa dữ liệu dạng gì?



4) Biển hạn chế chiều cao

- A. Dạng hình ảnh
- B. Dạng chữ
- C. Dạng số
- D. Dạng hình ảnh, chữ và số**

Câu 3: Cho thông tin: Chú cảnh sát thổi còi và giờ gậy làm hiệu khi đèn giao thông chuyển sang màu đỏ. Em hãy cho biết thông tin đó có dạng gì?

- A. Hình ảnh
- B. Âm thanh
- C. Hình ảnh và âm thanh**
- D. Chữ và âm thanh

Câu 4: Hoạt động thông tin của con người diễn ra theo các quá trình:

A. Con người tiếp nhận thông tin từ bên ngoài, xử lý thông tin, lưu trữ thông tin, trao đổi thông tin

B. Con người tiếp nhận thông tin từ bên ngoài, lưu trữ thông tin, xử lý thông tin, trao đổi thông tin

C. Con người tiếp nhận thông tin từ bên ngoài, lưu trữ thông tin, xử lý thông tin, trao đổi thông tin

D. Con người tiếp nhận thông tin từ bên ngoài, trao đổi thông tin, xử lý thông tin, lưu trữ thông tin

Câu 5: Lưu trữ thông tin là gì?

A. Là hoạt động lấy thông tin từ vật mang tin

B. Là hoạt động đưa thông tin vào vật mang tin

C. Là hoạt động chia sẻ thông tin từ vật mang tin

D. Là hoạt động đưa thông tin từ vật mang tin ra bên ngoài

Câu 6: Thiết bị nào sau đây của máy tính được ví như bộ não của con người?

A. Màn hình.

B. Chuột.

C. Bàn phím.

D. CPU

Câu 7: Thao tác ghi nhớ và cất giữ tài liệu của con người được xếp vào hoạt động nào trong quá trình xử lý thông tin?

A. Thu nhận.

B. Lưu trữ

C. xử lý.

D. Truyền.

Câu 8: Em hãy chọn câu không đúng trong các câu sau:

- A. Các dòng chữ trên trang sách là dữ liệu chữ và số.
- B. Hình ảnh in trên báo là dữ liệu hình ảnh.
- C. Bảng ghi âm chứa dữ liệu chữ.**
- D. Bảng ghi âm chứa dữ liệu âm thanh.

Câu 9: Con người không trao đổi thông tin dạng.....

- A. Mùi vị, Xúc giác**
- B. Cử chỉ, hành động
- C. Màu sắc
- D. Tất cả đều đúng

Câu 10: Em đọc thông tin dòng chữ viết trong vở. Lúc đó dòng chữ là:

- A. Thông tin**
- B. Dữ liệu
- C. Vừa thông tin vừa dữ liệu
- D. Một đáp án khác

Câu 11: Với tình huống: "Bác sĩ khám bệnh cho em, ghi vào y bạ và trao lại cho mẹ em". Câu nào sau đây đúng:

- A. Em lưu trữ thông tin
- B. Bác sĩ lưu trữ thông tin vào y bạ**
- C. Bác sĩ nhận thông tin
- D. Mẹ em chia sẻ thông tin

Câu 12: Trong khi điều tra, cảnh sát đã phán đoán, suy luận để chứng minh tội phạm. Hành động đó được gọi là:

- A. Thu nhận thông tin**

B. Xử lí thông tin

C. Truyền thông tin

D. Lưu trữ thông tin

Câu 13: Kết quả của việc nhìn thấy hoặc nghe thấy ở con người được xếp vào hoạt động nào trong quá trình xử lí thông tin?

A. Thu nhận.

B. Lưu trữ.

C. xử lí.

D. Truyền

Câu 14: Các thao tác lập luận, giải thích, phân tích, phán đoán, tưởng tượng,... của con người được xếp vào hoạt động nào trong quá trình xử lí thông tin?

A. Thu nhận.

B. Lưu trữ

C. xử lí.

D. Truyền

Câu 15: Theo bảng chỉ dẫn, Lan biết được vị trí mà mình đang đứng để đến được Nhà ga đi cáp treo 10 thì cần rẽ phải sau đó đi thẳng. Điều Lan nhận biết được gọi là:

A. Vật mang tin

B. Thông tin

C. Dữ liệu

D. Vật mang tin, thông tin, dữ liệu

Câu 16: Các thao tác nói, chia sẻ, thông báo, tuyên truyền, biểu đạt, trò chuyện,... của con người được xếp vào hoạt động nào trong quá trình xử lí thông tin?

A. Thu nhận.

B. Lưu trữ.

C. xử lí.

D. Truyền

Câu 17: Các bạn An, Minh, Khoa thực hiện khảo sát về việc sử dụng quỹ thời gian hằng ngày sau giờ học. Phiếu được phát ra cho 216 học sinh trong trường. Sau khi thu phiếu và tổng hợp lại các bạn có kết quả như sau:

	Số học sinh	Tỉ lệ
Xem phim	67	31%
Chơi thể thao	44	20%
Chơi điện tử	32	15%
Đọc sách	58	27%
Việc khác	15	7%

Việc các bạn phát phiếu và thu phiếu về thuộc hoạt động nào trong xử lí thông tin?

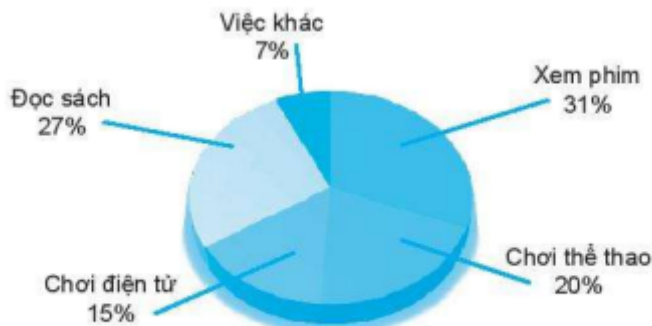
A. Thu nhận thông tin

B. Xử lí thông tin

C. Truyền thông tin

D. Lưu trữ thông tin

Câu 18: Bạn An sử dụng số liệu của bảng để vẽ biểu đồ trên giấy như sau:



Hình 4. Biểu đồ hình tròn

Việc làm của bạn An thuộc những hoạt động nào trong các hoạt động của quá trình xử lý thông tin?

- A. Thu nhận và xử lý thông tin
- B. Xử lý và truyền thông tin
- C. Xử lý và truyền thông tin
- D. Xử lý và lưu trữ thông tin**

Câu 19: “Ở một số nước phát triển, cạnh vạch sơn trắng ở lối đi dành cho người đi bộ qua đường thường có thêm loa để phát nhạc khi đèn xanh cho phép qua đường và dừng nhạc khi hết đèn xanh. Hỏi việc này có ý nghĩa gì?”

- A. nhận biết được dấu hiệu đèn xanh đèn đỏ dễ dàng hơn
- B. âm nhạc giúp cho những người đi bộ nhưng bị khiếm thị biết được khi nào họ có thể được qua đường.
- C. Cả A và B đều đúng**
- D. Cả A và B đều sai

Câu 20: Bạn An đọc truyện “Con Rồng cháu Tiên” rồi tóm tắt lại, kể cho bạn Minh nghe. Hãy sắp xếp những việc làm cụ thể của bạn An theo thứ tự thu nhận, lưu trữ, xử lý và truyền thông tin.

- a) Bạn An kể lại cho bạn Minh nghe tóm tắt câu chuyện.
- b) Bạn An nhớ nội dung câu chuyện.
- c) Bạn An đọc truyện “Con Rồng cháu Tiên”.
- d) Bạn An tóm tắt câu chuyện.

- A. d – c – a – b
- B. b – c – a – d
- C. c - b - d – a**
- D. c – d – b – a

[Cánh diều] Trắc nghiệm tin học 6 CĐ A bài 5: Dữ liệu trong máy tính

(Ôn câu: 1,2,3,4,5,6,7,9,11,12)

Câu 1: Byte là đơn vị đo lường dữ liệu, vậy kí hiệu của byte là:

- A. N
- B. K
- C. B**
- D. G

Câu 2: Các tệp âm thanh có kích thước khoảng bao nhiêu?

- A. Một vài MB
- B. Một vài KB**
- C. Một vài TB
- D. Một vài GB

Câu 3: Dữ liệu trong máy tính được mã hóa thành dãy bit vì:

- A. Dãy bit đáng tin cậy hơn
- B. Máy tính chỉ làm việc với hai kí tự 0 và 1**
- C. Dãy bit được xử lí dễ dàng hơn
- D. Dãy bit chiếm ít dung lượng nhớ hơn

Câu 4: Một MB xấp xỉ bao nhiêu byte?

- A. Một triệu byte**
- B. Một nghìn byte
- C. Một tỉ byte
- D. Một nghìn tỉ byte

Câu 5: khả năng lưu trữ của một thiết bị nhớ là?

A. Dung lượng nhớ

B. Khối lượng nhớ

C. Thể tích nhớ

D. Năng lực nhớ

Câu 6: Máy tính có ổ đĩa cứng với dung lượng:

A. vài GB đến vài TB

B. vài GB đến vài TB

C. vài trăm GB đến vài TB

D. vài chục TB

Câu 7: Đĩa quang kĩ thuật số (DVD) thường được dùng để lưu trữ video, có dung lượng từ

A. 5 GB đến 17 GB

B. 6 GB đến 18 GB

C. 7 GB đến 19 GB

D. Cả ba đáp án trên đều sai

Câu 8: Phát biểu nào sau đây sai:

A. Trong máy tính chỉ có bốn loại dữ liệu số hóa là dữ liệu văn bản số, dữ liệu âm thanh số, dữ liệu hình ảnh số và số nhị phân

B. Máy tính điện tử xử lí được mọi loại dữ liệu.

C. Máy tính điện tử chỉ xử lí được dữ liệu số hóa.

D. Thiết bị số làm việc với dữ liệu số hóa.

Câu 9: Có bao nhiêu “byte” tạo thành một “Kilobyte”?

A. 8

B. 64

C. 1024

D. 2048

Câu 10: Chu trình xử lý thông tin của máy tính gồm những bước nào:

A. Xử lý đầu vào, xử lý dữ liệu, xử lý đầu ra

B. Xử lý đầu vào, xử lý đầu ra, xử lý dữ liệu

C. Xử lý dữ liệu, xử lý đầu vào, xử lý đầu ra

D. Xử lý đầu vào, xử lý đầu ra, xử lý dữ liệu

Câu 11: Trong máy tính chỉ chứa:

A. Văn bản

B. hình ảnh

C. âm thanh

D. dữ liệu số hóa

Câu 12: Đâu không phải là dữ liệu số hóa trong máy tính:

A. Dữ liệu kí tự

B. Số nhị phân

C. Dữ liệu âm thanh số

D. Dữ liệu văn bản số

Câu 13: Chọn câu sai trong các câu sau:

A. 1KB xấp xỉ một nghìn byte

B. Ổ đĩa cứng của các máy tính hiện nay chỉ có dung lượng từ 2GB đến 16GB

C. Bit là đơn vị đo thông tin nhỏ nhất

D. Máy tính sử dụng dãy bit để biểu diễn số, hình ảnh, văn bản và âm thanh

Câu 14: Các tệp văn bản có kích thước khoảng bao nhiêu?

- A. Một vài nghìn GB
- B. Một vài nghìn MB
- C. Một vài nghìn KB**
- D. Một vài nghìn TB

Câu 15: Trong những câu sau, câu đúng khi nói về dữ liệu trong máy tính:

- A. Các kí tự "0", "1", "2",..., "9" được số hóa thành dãy bit khác với số nhị phân biểu diễn số lượng 0,1,2,... 9.**
- B. Các chữ số "0", "1", "2",..., "9" được số hóa thành dãy bit gọi là số nhị phân biểu diễn số lượng 0, 1, 2,...9.
- C. Số "12" trong văn bản được số hóa thành dãy bit bằng cách xếp liền nhau các số nhị phân biểu diễn số 1, số 2.
- D. Máy tính điện tử xử lí được mọi loại dữ liệu.

Câu 16: Để tính nhanh một thiết bị nhớ chứa được bao nhiêu bức ảnh hay bài hát, có thể ước lượng mỗi tệp ảnh hay tệp bài hát chiếm khoảng 4MB. Hỏi thiết bị có dung lượng thiết bị nhớ là 128 GB thì có khoảng bao nhiêu tệp ảnh, bài hát:

- A. 18 000
- B. 24 000
- C. 28 000
- D. 32 000**

Câu 17: Một thẻ nhớ 4GB lưu trữ được khoảng bao nhiêu ảnh 512KB?

- A. 2 nghìn ảnh
- B. 4 nghìn ảnh
- C. 8 nghìn ảnh**
- D. 8 triệu ảnh

Câu 18: Để tính nhanh một thiết bị nhớ chứa được bao nhiêu bức ảnh hay bài hát, có thể ước lượng mỗi tệp ảnh hay tệp bài hát chiếm khoảng 4MB. Hỏi thiết bị có dung lượng thiết bị nhớ là 64 GB thì có khoảng bao nhiêu tệp ảnh, bài hát:

- A. 1600
- B. 16000**
- C. 4000
- D. 40000

Câu 19: Giả sử một trang sách gồm các văn bản và hình ảnh được lưu trữ ở máy tính có dung lượng là 5MB. Hỏi với đĩa cứng có dung lượng là 5GB thì có thể lưu trữ được tối đa bao nhiêu trang sách như vậy?

- A. 1000 trang
- B. 1024 trang**
- C. 1042 trang
- D. 1440 trang

Câu 20: Giả sử một bức ảnh chụp bằng một máy ảnh chuyên nghiệp có dung lượng khoảng 12MB. Vậy thẻ nhớ 16GB có thể chứa bao nhiêu bức ảnh?

- A. Khoảng dưới 1300 bức ảnh
- B. Khoảng 1420 bức ảnh
- C. Khoảng 1365 bức ảnh**
- D. Khoảng 1356 bức ảnh

[Cánh diều] Trắc nghiệm tin học 6 CĐ B bài 1: Khái niệm và lợi ích của mạng máy tính

(Ôn câu: 2,3,4,5,6,7,8,10,17,18)

Câu 1: Hình bên là mô hình cấu trúc của mạng nào?



A. Mạng LAN

B. Mạng điện tử

C. Mạng thông tin

D. Mạng máy in

Câu 2: Một mạng máy tính gồm

A. tối thiểu năm máy tính được liên kết với nhau.

B. một số máy tính bàn.

C. một nhóm các máy tính và thiết bị được kết nối để truyền dữ liệu

D. tất cả các máy tính trong một phòng hoặc trong một nhà.

Câu 3: Mạng LAN là mạng kết nối dùng trong phạm vi:

A. lớn

B. vừa

C. nhỏ

D. trên toàn thế giới

Câu 4: Thông thường, mạng LAN kết nối được khoảng:

A. vài chục đến hàng trăm máy tính và thiết bị

B. vài trăm đến vài nghìn máy tính

C. vài đến vài chục máy tính

D. Cả ba đáp án trên

Câu 5: Đâu không phải là đặc điểm của Internet là:

A. phủ khắp thế giới

B. Tạo nhánh từ các mạng nhỏ

C. Chỉ mang lại lợi ích cho con người trong lĩnh vực văn hóa, kinh tế, xã hội.

D. không thuộc quyền sở hữu của cá nhân hay tổ chức nào

Câu 6: Mô tả nào sau đây nói về Internet là sai?

A. Là một mạng máy tính

B. Có phạm vi bao phủ khắp thế giới

C. Hàng tỉ người truy cập và sử dụng

D. Là tài sản và hoạt động dưới sự quản lí của một công ty tin học lớn nhất thế giới

Câu 7: Đâu không phải là ứng dụng hữu ích trên Internet

A. Thư điện tử

B. Trò chuyện trực tuyến

C. Lấy cắp thông tin có bản quyền

D. Máy tìm kiếm

Câu 8: Mạng LAN là viết tắt của cụm từ nào?

- A. Local Arian Network
- B. Lomal Area Network
- C. Local Area Nework
- D. Local Area Network**

Câu 9: Trong các nhận định sau nhận định nào không phải là lợi ích của việc sử dụng mạng máy tính

- A. Giảm chi phí khi dùng chung phần cứng
- B. Người sử dụng có quyền kiểm soát độc quyền đối với dữ liệu và ứng dụng của riêng họ**
- C. Giảm chi phí khi dùng chung phần mềm
- D. Cho phép chia sẻ dữ liệu, tăng hiệu quả sử dụng

Câu 10: Đâu không phải là mô hình mạng hiện nay:

- A. mạng liên kết nối
- B. mạng WAN
- C. mạng ngang hàng
- D. mạng hàng dọc**

Câu 11: Phát biểu nào sau đây là sai ?

- A. Trong một mạng máy tính các tài nguyên như máy in có thể được chia sẻ
- B. Virus có thể lây lan sang các máy tính khác trong một mạng máy tính
- C. Người sử dụng có thể giao tiếp với nhau trên mạng máy tính
- D. Người sử dụng không thể chia sẻ dữ liệu trên máy tính của mình cho người khác trong cùng một mạng máy tính**

Câu 12: Cho một hệ thống một máy tính cá nhân và một điện thoại thông minh. Giả sử cả hai thiết bị đó đều thuộc về một người dùng, chúng được kết nối với nhau để truyền thông tin. Hệ thống đó có phải là một mạng máy tính hay không?

- A. Hệ thống đó là một mạng máy tính vì có hệ thống máy tính và điện thoại
- B. Hệ thống đó không phải là một mạng máy tính vì không có hai hay nhiều máy tính kết nối với nhau

C. Hệ thống đó là một mạng máy tính vì mạng máy tính là một nhóm các máy tính và thiết bị được kết nối để truyền thông tin cho nhau

- D. Hệ thống đó không phải là một mạng máy tính vì chỉ có 1 máy tính và 1 điện thoại thông minh.

Câu 13: Điền vào chỗ chấm: “Nhờ vào mạng máy tính, người sử dụng có thể (1)..... để trao đổi (2)..... chia sẻ (3)..... và dùng chung các (4)..... trên mạng”.

- A. liên lạc với nhau – dữ liệu – thông tin – thiết bị
- B. Dữ liệu – thông tin – liên lạc với nhau – thiết bị

C. liên lạc với nhau – thông tin – dữ liệu – thiết bị

- D. thông tin – dữ liệu – liên lạc với nhau – thiết bị

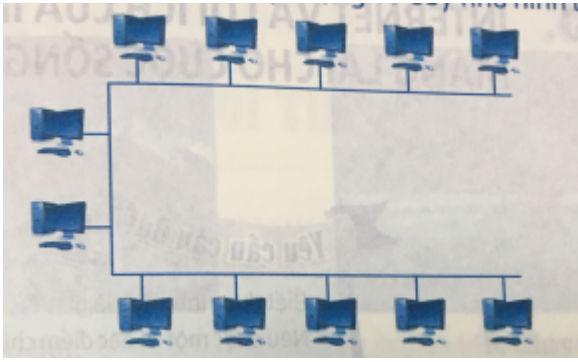
Câu 14: Các câu sau đây đều liên quan đến các mạng. Hãy chọn câu trả lời sai:

- A. Một mạng được tạo thành từ các thành phần liên kết với nhau

B. Có thể kết nối nhiều mạng thành một mạng lớn hơn.

- C. Các tài nguyên trong một mạng chỉ được một người dùng
- D. Đường bộ và đường sắt là những ví dụ về mạng

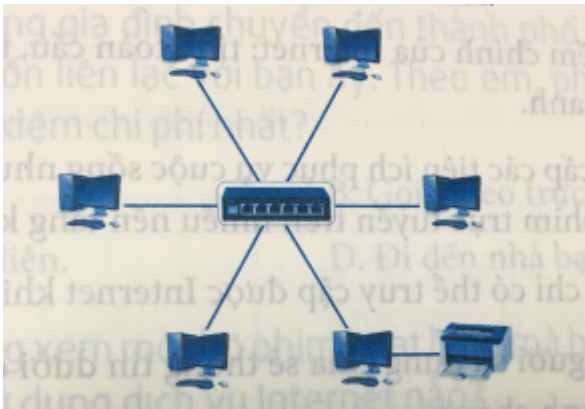
Câu 15: Phòng máy tính ở một trường học được lắp mạng có dây như hình bên dưới:



Theo em, phát biểu nào sau đây không đúng?

- A. Kết nối tương đối đơn giản, tiết kiệm chi phí
- B. Nếu có sự cố trên dây cáp thì toàn bộ mạng sẽ ngừng hoạt động
- C. Số máy tính trong mạng không ảnh hưởng đến tốc độ truyền dữ liệu**
- D. Một máy tính trong mạng bị hỏng thì các máy tính còn lại trong hệ thống mạng vẫn sẽ hoạt động bình thường.

Câu 16: Văn phòng mà bố Nam đang làm việc có 6 máy tính và 1 máy in. Sơ đồ kết nối 6 máy tính thành một mạng nội bộ được minh họa như hình bên dưới.

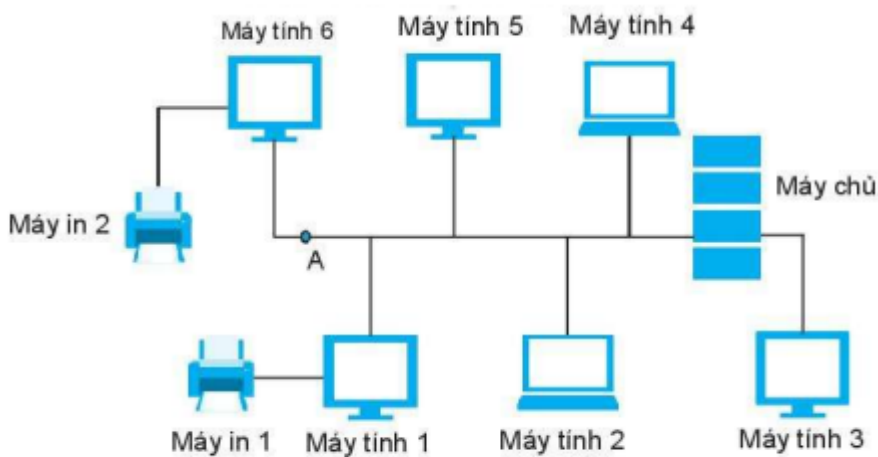


Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Một máy tính bị lỗi thì các máy tính còn lại không thể trao đổi dữ liệu cho nhau
- B. Hai máy tính cùng ra lệnh in thì máy in sẽ thực hiện in lần lượt cho từng máy tính**
- C. Rất khó khăn trong việc mở rộng mạng (thêm máy tính)

D. Nếu bộ chuyển mạch bị hỏng thì toàn bộ các máy tính trong mạng vẫn hoạt động bình thường.

Quan sát hình 6 và trả lời câu hỏi 17, 18: Hình dưới là mô hình một mạng máy tính kết nối có dây, tại vị trí A của dây dẫn bị chuột cắn đứt:



Hình 6. Mô hình một mạng máy tính

Câu 17: Thiết bị nào bị ngắt kết nối với mạng?

A. Máy tính 6

B. Máy tính 1

C. Máy tính 6 và máy in 2

D. Máy in 1

Câu 18: Những máy tính nào có thể in ở máy in 1?

A. Máy tính 1, máy tính 2, máy tính 3

B. Máy tính 1, máy tính 5, máy tính 4

C. Máy tính 1, máy tính 2, máy tính 3, máy tính 4, máy tính 5.

D. Tất cả các máy tính đều in được ở máy in 1

Câu 19: Trong cuộc sống, ta thường bắt gặp việc chia sẻ thiết bị phần cứng qua mạng nào sau đây:

A. Chia sẻ tệp ảnh lên trên nhóm lớp đã lập trên mạng để các bạn và cô giáo có thể xem được

B. Máy tính kết nối với máy photo để thực hiện in hoặc photo văn bản

C. Chia sẻ tài liệu tiếng Anh với người cần thông qua gửi trên email

D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 20: Gia đình Lan có 2 máy tính để bàn và 1 máy tính xách tay. Để phục vụ công việc của bố mẹ và học tập của Lan, các máy tính này thường được kết nối với nhau và kết nối với Internet thông qua một thiết bị là bộ định tuyến không dây. Ngoài ra, bố mẹ Lan cũng thường xuyên sử dụng điện thoại di động để truy cập Internet qua kết nối không dây này.

Em hãy cho biết, thiết bị đầu cuối trong mô hình mạng gia đình nhà Lan là:

A. 2 máy tính để bàn

B. 2 máy tính để bàn, 1 máy tính xách tay

C. 1 máy tính xách tay, điện thoại di động của bố mẹ Lan

D. 2 máy tính để bàn, 1 máy tính xách tay, điện thoại di động của bố mẹ Lan.

[Cánh điều] Trắc nghiệm tin học 6 CD B bài 2: Các thành phần của mạng máy tính

(Ôn câu: 1,5,6,8,11,12,13,14,16,17)

Câu 1: Đâu không phải là đặc điểm của cáp xoắn:

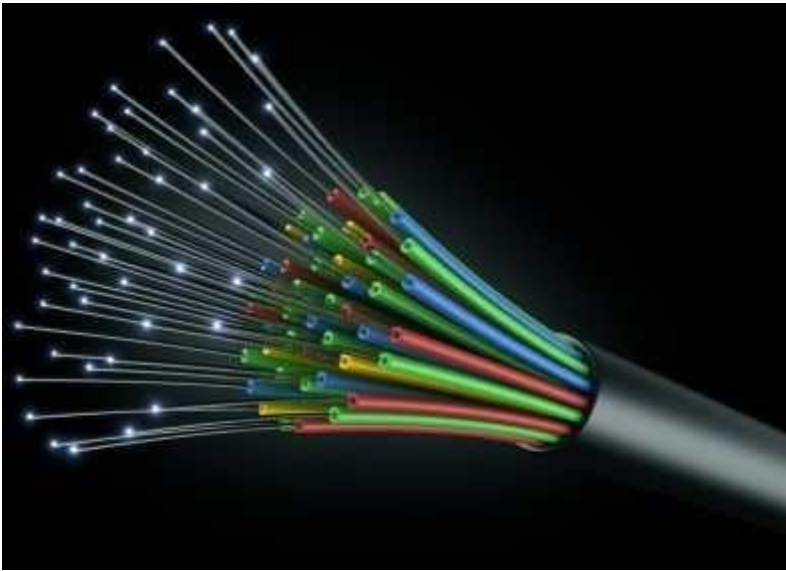
- A. lõi làm bằng chất liệu trong suốt**
- B. các dây có màu sắc khác nhau và xoắn lại với nhau
- C. có một lớp vỏ bọc lại
- D. lõi đồng

Câu 2: Hình dưới đây nói về thiết bị mạng nào?



- A. cáp xoắn
- B. cáp quang
- C. modem**
- D. switch

Câu 3: Hình dưới đây nói về thiết bị mạng nào?



- A. cáp xoắn
- B. cáp quang**
- C. modem
- D. switch

Câu 4: Hình dưới đây nói về thiết bị mạng nào?



- A. modem
- B. cáp quang
- C. cáp xoắn
- D. switch**

Câu 5: Switch có hình dạng:

- A. Hình hộp chữ nhật**
- B. Hình lập phương

C. Hình lăng trụ

D. Hình chóp

Câu 6: Đặc điểm nào sau đây nói về Modem:

A. Hình hộp chữ nhật, nhỏ, chất liệu làm bằng nhựa

B. Hình hộp vuông, nhỏ, chất liệu đa số làm bằng nhựa

C. Hình lăng trụ, nhỏ, chất liệu làm bằng nhựa

D. Hình hộp chữ nhật, lớn, chất liệu làm bằng thủy tinh

Câu 7: Phát biểu nào sau đây nói đúng nhất về Switch?

A. là thiết bị trung tâm giúp kết nối các máy tính và thiết bị mạng

B. là thiết bị giúp các máy tính kết nối mạng

C. là thiết bị phát mạng để các máy tính kết nối

D. là thiết bị mạng biến đổi tín hiệu để truyền qua khoảng cách xa

Câu 8: Máy tính kết nối với nhau để:

A. Chia sẻ dữ liệu

B. Tiết kiệm điện

C. Học tập, chơi games

D. Thuận lợi cho việc sửa chữa

Câu 9: Điền cụm từ thích hợp vào chỗ chấm: Nhờ vào (1), người sử dụng có thể (2) để trao đổi (3) chia sẻ dữ liệu và dùng chung các thiết bị trên mạng

A. mạng máy tính liên lạc với nhau thông tin

B. mạng máy tính thông tin liên lạc với nhau

C. thông tin mạng máy tính liên lạc với nhau

D. liên lạc với nhau mạng máy tính thông tin

Câu 10: Trình duyệt Google Chrome thuộc thành phần nào của mạng máy tính:

- A. thiết bị biến đổi tín hiệu để truyền qua khoảng cách xa
- B. thiết bị mạng có chức năng kết nối các máy tính với nhau
- C. thiết bị mạng có chức năng kết nối các máy tính và thiết bị mạng với nhau..

D. phần mềm giúp giao tiếp và truyền thông tin qua mạng

Câu 11: Các máy tính trong mạng truyền thông tin cho nhau thông qua thiết bị nào?

- A. Cáp mạng
- B. Switch
- C. Modem và switch

D. Cáp quang và switch

Câu 12: Thiết bị nào sau đây là thiết bị kết nối mạng ?

- A. Cáp xoắn, cáp quang, Switch, card mạng.
- B. Cáp xoắn, cáp quang, Switch, modem mạng.**
- C. Cáp đồng trục, card mạng, Switch, modem mạng.
- D. Máy in, cáp xoắn, cáp quang, Switch, modem mạng.

Câu 13: Cáp xoắn thuộc thành phần nào của mạng máy tính:

- A. thiết bị có khả năng gửi và nhận thông tin qua mạng**
- B. thiết bị biến đổi tín hiệu để truyền qua khoảng cách xa
- C. thiết bị giúp giao tiếp và truyền thông tin qua mạng.
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 14: Phần mềm nào không phục vụ bạn An:

- A. Windows 10

B. Cốc cốc

C. Google chrome

D. Face book

Câu 15: Đâu không phải là lợi ích khi sử dụng máy tính trong học tập:

A. Sử dụng các bài giảng trực tuyến

B. Chơi game thỏa thích

C. Tìm hiểu các kiến thức mới, kiến thức mà bản thân quan tâm mọi lúc, mọi nơi

D. Trao đổi với bạn bè nhanh chóng, chi phí thấp

Câu 16: Những phần mềm trên máy tính Lan giúp giao tiếp và truyền thông tin qua mạng.

Chọn đáp án không đúng:

A. hệ điều hành Windows 10

B. trình duyệt Cốc Cốc

C. trình duyệt Google Chrome

D. phần mềm Gmail.

Câu 17: Mạng máy tính phổ biến hiện nay là:

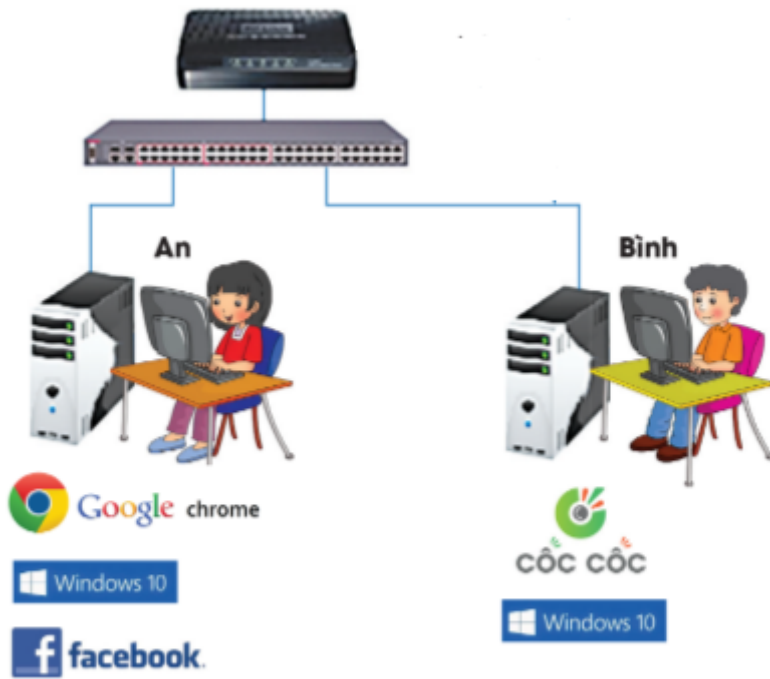
A. Mạng cục bộ – LAN

B. Mạng đô thị – MAN

C. Mạng điện rộng – WAN

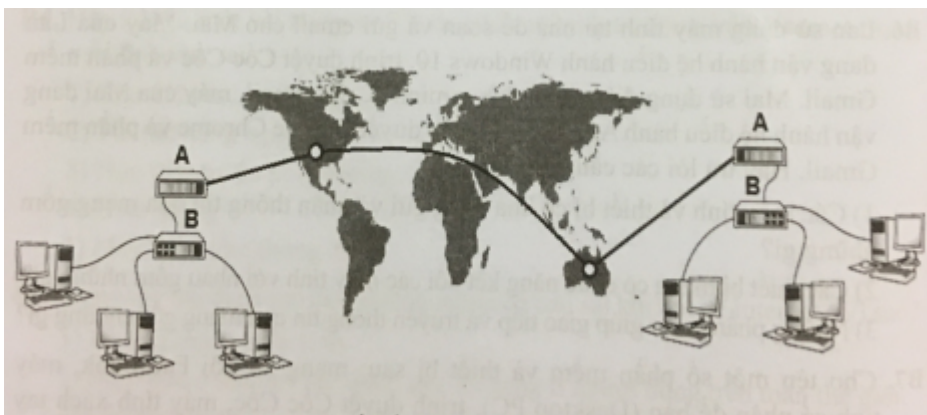
D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 18: Trong hình dưới, hai bạn An và Bình đã sử dụng thiết bị mạng nào?



- A. Máy tính, google chrome, cốc cốc
- B. Máy tính, cáp mạng
- C. Modem, switch, cáp mạng**
- D. Cáp mạng, máy tính, google chrome, cốc cốc

Câu 19: Em hãy cho biết tên của thiết bị A và thiết bị B trong hình dưới đây.



- A. A là modem, B là switch**
- B. A là switch, B là modem
- C. A là cáp xoắn, B là modem
- D. A là cáp quang, B là switch

Câu 20: Lan sử dụng máy tính tại nhà để soạn và gửi email cho Mai. Máy của Lan đang vận hành hệ điều hành Windows 10, trình duyệt Cốc Cốc và phần mềm Gmail. Mai sử dụng điện thoại thông minh để đọc email, máy của Mai đang vận hành hệ điều hành Android 10, trình duyệt Google Chrome và phần mềm Gmail.

Các máy tính và thiết bị có khả năng gửi và nhận thông tin qua mạng gồm:

A. Máy tính tại nhà của Lan và điện thoại thông minh của Mai

B. Máy tính tại nhà của Lan

C. Điện thoại thông minh của Mai

D. Hệ điều hành Windows 10, trình duyệt Cốc Cốc và phần mềm Gmail

CÁC CÂU HỎI CẦN CHUẨN BỊ ĐỂ THI HỌC KÌ 1

- Con người tiếp nhận thông tin thông qua các giác quan nào?
5 giác quan: thị giác, thính giác, khứu giác, vị giác, xúc giác
- Cách con người tiếp nhận thông tin?
5 giác quan và bộ não
- Mắt không thể tiếp nhận thông tin từ dữ liệu nào sau đây?
vi khuẩn, virus
- Thông tin mà con người có thể thu nhận được bằng thính giác là?
Dùng tai để nghe: vid dụ tiếng chuông..
- Thiết bị nào sau đây của máy tính được ví như bộ não của con người?
Bộ xử lý trung tâm CPU
- Những khả năng nào đã làm cho máy tính trở thành một công cụ xử lý thông tin dữ liệu?
Tính toán nhanh, chính xác, lưu trữ lớn, làm việc không mệt mỏi
- Thông tin sau khi lưu trữ vào máy tính gọi là gì?
Dữ liệu
- Có các dạng dữ liệu cơ bản nào mà em đã học?
văn bản, hình ảnh, âm thanh
- Sắp xếp thứ tự lưu trữ thông tin từ nhỏ đến lớn?
Byte, KB, MB, GB, TB, PB
- Dữ liệu trong máy tính được mã hóa thành dãy bit vì?
Máy tính chỉ làm việc với 2 kí tự 1 và 0
- Trạng thái của bit bao gồm những kí hiệu nào?
kí hiệu 0,1
- Khả năng lưu trữ của một thiết bị nhớ là?
dung lượng nhớ
- Mạng LAN là mạng kết nối dùng trong phạm vi?
nhỏ
- Hãy cho một ví dụ về mạng máy tính đơn giản?
mạng lan
- Đây không phải là ứng dụng hữu ích trên Internet?
lấy cắp thông tin trên mạng
- Máy tính kết nối với nhau để?
Chia sẻ tài nguyên (dữ liệu) và thiết bị dùng chung
- Mạng không dây được kết nối bằng?
sóng wifi

- Thế nào là mạng không dây?
mạng không dùng dây
- Thiết bị cơ bản của mạng không dây là gì?
access point
- "Tập hợp nhiều trang web có liên quan với nhau và chung địa chỉ" là định nghĩa của?
website
- Thông tin trên Internet được tạo nên từ nhiều trang web kết nối với nhau bởi các?
siêu liên kết
- "Một đường dẫn giúp ta chuyển hướng đến trang web khác" là định nghĩa của?
siêu liên kết
- Phần mềm trình duyệt Web dùng để?
xem trang web, truy cập web
- Tên nào sau đây không phải là tên của máy tìm kiếm?
word, excel, power point
- Khi sử dụng lại các thông tin trên mạng cần lưu ý đến vấn đề?
bản quyền
- Một Byte bằng bao nhiêu bit
8 bit
- Một MB xấp xỉ bao nhiêu Byte?
1 triệu Byte
- Bao nhiêu "Byte" tạo thành một "Kilobyte"?
1024 Byte = 1 KB
- Mỗi ký tự trên máy tính được lưu thành bao nhiêu Byte?
1 Byte
- Trên thực tế các nhà sản xuất thường tính 1GB=?MB
100
- Trên lý thuyết máy tính dùng 1GB=?MB
1GB = 1024MB

HỌC KỲ 2 - Các liên kết đến tech12h.com để làm thử các câu hỏi trắc nghiệm từng bài học

CĐ D bài 1: Mặt trái của Internet

CĐ D bài 2: Sự an toàn và hợp pháp khi sử dụng thông tin

CĐ E bài 1: Tìm kiếm và thay thế trong soạn thảo văn bản

CĐ E bài 2: Trình bày trang, định dạng và in văn bản

CĐ E bài 4: Trình bày thông tin ở dạng bảng

CĐ E bài 6: Sơ đồ tư duy

CĐ D bài 1: Mặt trái của Internet

Câu 1: Phát biểu nào sau đây không đúng về virus:

- A. Virus máy tính là một loại phần mềm không có khả năng tự nhân bản**
- B. Virus lây lan qua các thiết bị lưu trữ trung gian hoặc qua mạng
- C. Virus máy tính làm phá hủy các tệp và phần mềm, đánh cắp dữ liệu và thông tin của máy tính
- D. Phần mềm diệt virus là công cụ hữu hiệu để phát hiện, ngăn chặn và loại bỏ virus máy tính.

Câu 2: Con đường nào không lây truyền virus:

- A. Gmail
- B. trang web
- C. màn hình máy tính**
- D. thẻ nhớ, USB

Câu 3: Việc sử dụng Internet thiếu hiểu biết dẫn đến nhiều tác hại:

(Chọn đáp án không đúng:)

- A. Lười suy nghĩ, giảm khả năng sáng tạo
- B. Bị ảnh hưởng bởi những nội dung xấu
- C. gây cận thị và các bệnh về mắt. ...**
- D. Ảnh hưởng đến sức khỏe về thể chất lẫn tinh thần

Câu 4: Chọn phương án sai. Khi sử dụng internet, có thể:

- A. tin tưởng mọi nguồn thông tin trên mạng**
- B. bị lôi kéo vào các hoạt động không lành mạnh
- C. máy tính bị nhiễm virus hay mã độc

D. bạn lừa đảo hoặc lợi dụng

Câu 5: Em nên làm gì với các mật khẩu dùng trên mạng của mình?

A. Cho bạn bè biết mật khẩu nếu quên còn hỏi bạn

B. Sử dụng cùng một mật khẩu cho mọi thứ

C. Thay mật khẩu thường xuyên và không cho bất cứ ai biết

D. Đặt mật khẩu dễ đoán cho khỏi quên

Câu 6: Cách làm nào sau đây giúp phòng ngừa tác hại của Internet?

A. Thường xuyên truy cập Internet tìm thông tin về virus

B. Thành thạo chạy phần mềm diệt virus cho máy tính

C. Luôn tra cứu thông tin trên Internet khi làm các bài tập

D. Thoải mái sử dụng internet trong một ngày

Câu 7: Đâu là tác hại khi tham gia internet?

A. Giúp tìm kiếm thông tin

B. Chia sẻ thông tin

C. Bị rủ rê tham gia các hoạt động phi pháp trên mạng xã hội.

D. Học tập online

Câu 8: Đâu không phải là biện pháp phòng ngừa tác hại khi tham gia internet?

A. Vào mạng xã hội thâu đêm suốt sáng.

B. Không mở email từ địa chỉ lạ

C. Truy cập trang web không lành mạnh

D. Tự suy nghĩ thay vì lập tức tìm sự trợ giúp của Internet.

Câu 9: Đâu không phải là quy tắc sử dụng Internet an toàn là:

A. giữ an toàn

B. gặp gỡ thường xuyên

- C. kiểm tra độ tin cậy
- D. đừng chấp nhận

Câu 10: Em sẽ làm gì trong các trường hợp sau: “Muốn sao chép một tệp từ máy tính của ng khác trong lúc đang có sẵn USB trong túi”.

- A. Cắm USB vào máy tính và copy tài liệu
- B. Mua USB mới và sao chép tài liệu

C. Kiểm tra virus trong máy và usb trước khi sao chép tài liệu.

- D. Một phương án khác.

Câu 11: Em sẽ làm gì trong các trường hợp sau:”Được một nhóm bạn truyền cho một địa chỉ website nhưng dặn là phải bí mật, không để người lớn biết”.

- A. Bí mật bấm vào xem địa chỉ website để xem

B. Không bấm vào và báo cáo với người lớn

- C. Bấm vào xem và gửi địa chỉ website cho các bạn khác
- D. Nhờ người lớn hướng dẫn mở website để xem

Câu 12: Khi đăng nhập vào tài khoản cá nhân trên các máy tính công cộng, việc nên làm là:

- A. để chế độ tự động đăng nhập
- B. để chế độ ghi nhớ mật khẩu
- C. không cần phải thoát tài khoản sau khi sử dụng

D. không để chế độ ghi nhớ mật khẩu và đăng xuất tài khoản sau khi sử dụng

Câu 13: Em truy cập trang mạng để xem tin tức thì ngẫu nhiên xem được một video có hình ảnh bạo lực mà em rất sợ. Em nên làm gì?

- A. Đóng video lại và tiếp tục xem tin tức coi như không có chuyện gì

B. Chia sẻ cho bạn bè để dọa các bạn

C. Thông báo cho cha mẹ và thầy cô giáo về điều đó

D. Mở video đó và xem

Câu 14: Hành động nào sau đây là đúng?

A. luôn chấp nhận lời mời kết bạn của người lạ

B. nói với bố mẹ và thầy cô về việc em bị đe dọa qua mạng

C. chia sẻ cho các bạn những video bạo lực

D. đăng thông tin không đúng về một người bạn cùng lớp lên mạng xã hội

Câu 15: Em sẽ làm gì trong các trường hợp sau: “Tự nhận thấy dạo này bản thân thường thức rất khuya để vào mạng xã hội”.

A. Vẫn tiếp tục vào mạng xã hội như trước đó

B. Rủ rê bạn bè cùng vào mạng xã hội để trò chuyện đêm khuya

C. Ý thức được hậu quả của việc thức khuya vào mạng xã hội để tự điều chỉnh thời gian hợp lý hơn

D. Xóa luôn mạng xã hội và không bao giờ sử dụng nữa.

Câu 16: Điều nào sau đây được khuyến khích khi sử dụng các dịch vụ trên internet?

A. đưa thông tin cá nhân lên mạng xã hội

B. đăng kí khóa học tiếng Anh trực tuyến

C. liên tục nạp số tiền lớn vào tài khoản game trên mạng

D. mở thư điện tử và liên kết đến địa chỉ web không rõ nguồn gốc

Câu 17: Nam chơi game rất nhiều. Đi học về là Nam ngồi ngay vào máy để chơi, nhiều lúc bỏ cả ăn uống, thậm chí chơi thâu đêm. Ngồi trong lớp, Nam chỉ mong sớm tan học để về chơi game. Đã nhiều lần Nam bỏ học để chơi game. Với kết quả học tập kém, Nam có nguy cơ bị ở lại lớp. Em hãy cho biết Nam đã bị ảnh hưởng bởi tác hại:

A. Máy tính bị lây nhiễm virus do truy cập vào những trang web lạ, tải về máy các tệp chưa được kiểm chứng độ tin cậy

B. Nghiện Internet đến mức không còn thời gian cho những hoạt động lành mạnh, xao nhãng học hành

C. Lười học tập, lười đọc sách, lười suy nghĩ, dần mất đi năng lực sáng tạo

D. Bị ảnh hưởng bởi nội dung xấu trên mạng, những thông tin độc hại, trái với thuần phong mỹ tục

Câu 18: Em thường xuyên nhận được các tin nhắn trên mạng có nội dung như: “mày là một đứa ngu ngốc, béo ú”, “mày là một đứa xấu xa, không đáng làm bạn”,... từ một người lớn mà em quen. Em nên làm gì?

A. Bỏ qua, chắc họ chỉ trêu thôi

B. Nhắn tin lại cho người đó các nội dung tương tự

C. Gặp thẳng người đó hỏi tại sao lại làm thế và yêu cầu dừng ngay

D. Nói chuyện với thầy cô giáo, bố mẹ về sự việc để xin ý kiến giải quyết

Câu 19: Nếu bạn thân của em muốn mượn tên đăng nhập và mật khẩu tài khoản trên mạng của em để sử dụng trong một thời gian, em sẽ làm gì?

A. Cho mượn ngay không cần điều kiện gì

B. Cho mượn nhưng yêu cầu bạn phải hứa là không được dùng để làm việc gì không đúng

C. Cho mượn một ngày thôi rồi lấy lại, chắc không có vấn đề gì

D. Không cho mượn, bảo bạn tự tạo một tài khoản riêng, nếu cần em có thể hướng dẫn

Câu 20: Nhận được một email thông báo trúng thưởng. Mai mở ra và nháy chuột vào liên kết bên trong. Sau đó tài khoản email của Mai bị chiếm đoạt và người thân nhận được từ tài khoản đó có những tin nhắn vay tiền. Em hãy cho biết trường hợp trên đã bị ảnh hưởng bởi tác hại của Internet như thế nào?

- A. Nghiện Internet đến mức không còn thời gian cho những hoạt động lành mạnh, xao nhãng học hành
- B. Lười học tập, lười đọc sách, lười suy nghĩ, dần mất đi năng lực sáng tạo
- C. Bị ảnh hưởng bởi nội dung xấu trên mạng, những thông tin độc hại, trái với thuần phong mỹ tục
- D. Máy tính bị lây nhiễm virus do truy cập vào những trang web lạ, tải về máy các tệp chưa được kiểm chứng độ tin cậy**

Câu 21: Trong một buổi họp mặt gia đình, một người chú là họ hàng của em đã quay một đoạn phim về em và nói rằng sẽ đưa lên mạng cho mọi người xem. Em không thích hình ảnh của mình bị đưa lên mạng, em có thể làm gì để ngăn cản việc đó?

- A. Không làm được gì, đoạn phim là của chú ấy quay và chú ấy có quyền sử dụng
- B. Cứ để chú ấy đưa lên mạng, nếu có việc gì thì sẽ yêu cầu chú ấy xóa
- C. Nói với bố mẹ về sự việc, nhờ bố mẹ nói với chú ấy không được đưa lên mạng mà chỉ để xem lại mỗi khi họp gia đình.**
- D. Tức giận và to tiếng yêu cầu chú ấy xóa ngay đoạn phim trong máy quay

Câu 22: Một số bạn bè em thần tượng một số diễn viên mới nổi tiếng trên mạng xã hội. Được bạn bè rủ vào xem những đoạn phim trên kênh Youtube của ngôi sao này, em thấy diễn viên ăn mặc không lịch sự, nội dung phim dung tục, thiếu văn hóa. Một số bạn cho rằng ngôi sao này có hàng chục vạn người trẻ tuổi hâm mộ, phim của anh ta mang phong cách mới nên không phù hợp với những người cổ hủ, lạc hậu.

Thái độ và hành động nào sau đây là phù hợp nhất?

- A. Không xem kênh Youtube của anh ta nữa, đồng thời khuyên các bạn không nên xem.**
- B. Hòa theo các bạn để khỏi mang tiếng lạc hậu

C. Không xem kênh Youtube của anh ta nữa, còn các bạn làm gì thì tùy

D. Không hâm mộ nhưng cũng không phản đối, cứ tiếp tục theo dõi những video khác của ngôi sao này xem ra sao

CĐ D bài 2: Sự an toàn và hợp pháp khi sử dụng thông tin

Câu 1: Mật khẩu mạnh là mật khẩu:

- A. gồm ít nhất 8 kí tự trong đó có cả chữ hoa, chữ thường, chữ số và kí tự đặc biệt**
- B. gồm ít nhất 8 kí tự có chữ cái hoa, chữ cái thường, chữ số
- C. đặt mật khẩu bất kì theo sở thích của mình sao cho dễ nhớ
- D. Mật khẩu càng ngắn càng tốt miễn không để ai biết được

Câu 2: Để bảo vệ thông tin cá nhân, em không nên làm việc nào sau đây:

- A. Cài đặt phần mềm diệt virus.
- B. Từ chối cung cấp thông tin cá nhân chỉ để đọc tin tức, tải tệp, mua hàng qua mạng,...
- C. Hạn chế đăng nhập ở nơi công cộng (quán cà phê, nhà ga, sân bay,...)
- D. Thay đổi mật khẩu hằng ngày**

Câu 3: Biện pháp nào dưới đây để bảo vệ thông tin cá nhân?

- A. Cảnh giác khi đột nhiên xuất hiện một cửa sổ từ một trang web lại với yêu cầu điền thông tin cá nhân.
- B. Không nên lưu lại mật khẩu trên trình duyệt web với mục đích lần sau dễ dàng đăng nhập.
- C. Hạn chế đăng nhập ở các máy tính công cộng hay sử dụng Wifi công cộng.
- D. Cả 3 đáp án trên**

Câu 4: Em nên làm gì với các mật khẩu dùng trên mạng của mình?

- A. Cho bạn bè biết mật khẩu nếu quên còn hỏi bạn

B. Sử dụng cùng một mật khẩu cho mọi thứ

C. Thay mật khẩu thường xuyên và không cho bất cứ ai biết

D. Đặt mật khẩu dễ đoán cho khỏi quên

Câu 5: Khi đăng nhập vào tài khoản cá nhân trên các máy tính công cộng, việc nên làm là:

A. để chế độ tự động đăng nhập

B. để chế độ ghi nhớ mật khẩu

C. không cần phải thoát tài khoản sau khi sử dụng

D. không để chế độ ghi nhớ mật khẩu và đăng xuất tài khoản sau khi sử dụng

Câu 6: Đây là những dấu hiệu của các trò lừa đảo trên internet?

A. những lời quảng cáo đánh vào lòng tham vật chất,..

B. tin nhắn của người lạ hay đại diện cho một tổ chức nào đó liên quan đến tiền bạc

C. những lời giới thiệu gây sự tò mò, hiếu kỳ,...

D. Tất cả các biểu hiện trên đều đúng

Câu 7: Em truy cập trang mạng để xem tin tức thì ngẫu nhiên xem được một video có hình ảnh bạo lực mà em rất sợ. Em nên làm gì?

A. Đóng video lại và tiếp tục xem tin tức coi như không có chuyện gì

B. Chia sẻ cho bạn bè để dọa các bạn

C. Thông báo cho cha mẹ và thầy cô giáo về điều đó

D. Mở video đó và xem

Câu 8: Nếu bạn thân của em muốn mượn tên đăng nhập và mật khẩu tài khoản trên mạng của em để sử dụng trong một thời gian, em sẽ làm gì?

A. Cho mượn ngay không cần điều kiện gì

- B. Cho mượn nhưng yêu cầu bạn phải hứa là không được dùng để làm việc gì không đúng
- C. Cho mượn một ngày thôi rồi lấy lại, chắc không có vấn đề gì
- D. Không cho mượn, bảo bạn tự tạo một tài khoản riêng, nếu cần em có thể hướng dẫn**

Câu 9: Phương án nào sau đây không phải là quy tắc an toàn khi sử dụng Internet?

- A. giữ an toàn thông tin cá nhân và gia đình
- B. không được một mình gặp gỡ người mà em chỉ mới quen qua mạng
- C. im lặng, không chia sẻ với gia đình khi bị đe dọa, bắt nạt qua mạng**
- D. đừng chấp nhận các lời mời vào các nhóm trên mạng mà em không biết.

Câu 10: Việc làm nào không chia sẻ thông tin một cách an toàn và hợp pháp?

- A. Tránh đưa những thông tin chưa được kiểm chứng rõ ràng (tin đồn, tin truyền miệng, tin do một cá nhân đưa lên mạng xã hội,...).
- B. Không nên sử dụng mạng xã hội.**
- C. Không đăng những thông tin sai sự thật hoặc những điều làm tổn thương người khác.
- D. Không đăng những thông tin vi phạm pháp luật, trái với chủ trương của Nhà nước.

Câu 11: Những thông tin nào sau đây là thông tin cá nhân của một học sinh?

- A. Họ tên, ngày sinh, địa chỉ nhà, số điện thoại di động.
- B. Tên trường, tên lớp, tên cô giáo chủ nhiệm.
- C. Sở thích chơi thể thao, sở thích âm nhạc, ảnh chụp
- D. Cả 3 đáp án trên đều đúng**

Câu 12: Lời khuyên nào sai khi em muốn bảo vệ máy tính và thông tin trên máy tính của mình?

A. Đừng bao giờ mở thư điện tử và mở tệp đính kèm thư từ những người không quen biết

B. Luôn nhớ đăng xuất khi sử dụng xong máy tính, thư điện tử

C. Chẳng cần làm gì vì máy tính đã được cài đặt sẵn các thiết bị bảo vệ từ nhà sản xuất

D. Nên cài đặt phần mềm bảo vệ máy tính khỏi virus và thường xuyên cập nhật phần mềm bảo vệ

Câu 13: Trang báo điện tử bằng tiếng việt cung cấp những thông tin đáng tin cậy?

A. Vnexpress.net

B. Vietnamnet.vn

C. Dantri.com.vn

D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 14: Mật khẩu nào sau đây của bạn Nguyễn Văn An là chưa đủ mạnh?

A. Nguyen_Van_An_2020

B. nguyenvanan1234

C. An\$153624

D. Nguyen_Van_An

Câu 15: Thảo là bạn của Vân, có lần Vân gửi cho Thảo ảnh chụp thẻ học sinh để nhờ Thảo làm thủ tục đăng kí tham gia Câu lạc bộ Tin học. Sau đó, trong một lần tranh luận trên mạng xã hội về của thẻ căn cước công dân, Thảo đã vô tình đưa tấm ảnh đó lên. Mặc dù ngày hôm sau Thảo đã xóa đi, nhưng một thời gian sau có kẻ sử dụng những thông tin trên thẻ căn cước công dân để mạo danh Vân lừa đảo người thân của cô một số tiền lớn.

Em hãy cho biết phát biểu đâu là đúng:

A. Thảo đã công khai thông tin cá nhân của Vân khi chưa được Vân cho phép.

B. Vì Vân chủ động gửi bức ảnh cho Thảo nên Thảo có quyền công khai nó.

C. Ảnh chụp không phải là bản gốc, dù có đưa lên mạng cũng không sao.

D. Kẻ mạo danh Vân có tội, Thảo không cố ý nên không có lỗi gì cả.

Câu 16: Đây là mật khẩu mạnh theo đúng tiêu chuẩn các chuyên gia khuyến nghị?

A. ThanhHa#145

B. hoangThanh12

C. ngoc#12345

D. thanh1234567

Câu 17: Trong một buổi họp mặt gia đình, một người chú là họ hàng của em đã quay một đoạn phim về em và nói rằng sẽ đưa lên mạng cho mọi người xem. Em không thích hình ảnh của mình bị đưa lên mạng, em có thể làm gì để ngăn cản việc đó?

A. Không làm được gì, đoạn phim là của chú ấy quay và chú ấy có quyền sử dụng

B. Cứ để chú ấy đưa lên mạng, nếu có việc gì thì sẽ yêu cầu chú ấy xóa

C. Tức giận và to tiếng yêu cầu chú ấy xóa ngay đoạn phim trong máy quay

D. Nói với bố mẹ về sự việc, nhờ bố mẹ nói với chú ấy không được đưa lên mạng mà chỉ để xem lại mỗi khi họp gia đình.

Câu 18: Em nhận được tin nhắn và lời mời kết bạn trên Facebook từ một người mà em không biết. Em sẽ làm gì?

A. Chấp nhận yêu cầu kết bạn và trả lời tin nhắn ngay

B. Nhắn tin hỏi người đó là ai, để xem mình có quen không, nếu quen mới kết bạn

- C. Vào Facebook của họ đọc thông tin, xem ảnh xem có phải người quen không, nếu phải thì chấp nhận kết bạn, không phải thì thôi**
- D. Không chấp nhận kết bạn và không trả lời tin nhắn.

Câu 19: Trang web cung cấp dịch vụ kiểm tra độ mạnh của mật khẩu là:

- A. <http://password.kaspersky.com/>**
- B. <http://tratu.soha.vn/>
- C. <https://translate.google.com/?hl=vi>
- D. Cả ba đáp án A, B, C đều đúng

Câu 20: Hoạt động chia sẻ thông tin sau đây an toàn ?

- A. Nam và Minh là bạn thân. Vì Minh cần gấp, Nam cho mình mượn dùng tài khoản mạng xã hội của mình bằng cách gửi mật khẩu đăng nhập cho Minh qua email.**
- B. Nam và Minh là bạn thân. Nam có em nhỏ bị lạc, với mong muốn giúp tìm được em của Nam, Minh tự ý đăng lên mạng xã hội tin nhắn tìm trẻ lạc, trong đó có ảnh em của Nam, địa chỉ nhà, số điện thoại và địa chỉ email của Nam
- C. Cả 2 đáp án trên đều đúng
- D. Cả 2 đáp án trên đều sai

CĐ E bài 1: Tìm kiếm và thay thế trong soạn thảo văn bản

Câu 1: Công cụ tìm kiếm và thay thế nằm trên dải lệnh:

A. Home

B. Insert

C. Page layout

D. Mailings

Câu 2: Để tìm nhanh 1 từ hay 1 dãy các kí tự, ta thực hiện như sau:

1. Nháy chuột vào bảng chọn Edit → Find → xuất hiện hộp thoại Find and Replace.

2. Nhập từ cần tìm vào hộp [.....].

3. Nhấn chọn nút Find Next trên hộp thoại để thực hiện tìm.

A. Find

B. Edit

C. Find Next

D. Find What

Câu 3: Để sử dụng lệnh tìm kiếm, trong nhóm Editing, ta click chuột vào:

A. select

B. Find

C. Replace

D. Change styles

Câu 4: Để sử dụng lệnh thay thế, trong nhóm Editing, ta click chuột vào:

A. Replace

B. Change styles

C. Select

D. Quick Styles

Câu 5: Để thay thế từ “má” thành từ “mẹ”, em gõ từ “me” vào ô nào?

A. Từ “mẹ” gõ vào ô Replace with

B. Từ “mẹ” gõ vào ô Find what

C. Máy tính tự phát hiện lỗi chính tả và tự sửa

D. Cả A và B đều đúng

Câu 6: Khi thực hiện lệnh: Home ->Editing -->Replace có nghĩa là:

A. Thực hiện thay thế

B. Thực hiện tìm kiếm

C. Xuất hiện hộp thoại Find and Replace

D. Xóa lệnh thực hiện

Câu 7: Để sử dụng công cụ Tìm kiếm và Thay thế ta sử dụng hộp thoại nào?

A. Find and Replace.

B. Open

C. Insert Picture

D. Clipboard

Câu 8: Khi dùng hộp thoại “Find and Replace”, nếu tìm được một từ mà chúng ta không muốn thay thế, chúng ta có thể bỏ qua từ đó bằng cách chọn lệnh nào?

A. Replace All

B. Replace

C. Find Next

D. Cancel

Câu 9: Lệnh Find được sử dụng khi nào?

A. Khi muốn định dạng chữ in nghiêng cho đoạn văn bản.

B. Khi muốn tìm kiếm một từ hoặc cụm từ trong đoạn văn bản

C. Khi muốn thay thế một từ hoặc một cụm từ trong văn bản

D. Khi cần thay đổi phong chữ của văn bản

Câu 10: Điền từ hoặc cụm từ (chính xác; tìm kiếm; thay thế; yêu cầu) vào chỗ chấm thích hợp để hoàn thành đoạn văn bản dưới đây:

“Công cụ Tìm kiếm và ...(1)... giúp chúng ta(2).... hoặc thay thế các từ hoặc cụm từ theo(3).... một cách nhanh chóng và(4)....”

A. (1) chính xác; (2) tìm kiếm; (3) thay thế; (4) yêu cầu

B. (1) thay thế; (2) yêu cầu, (3) chính xác; (4) tìm kiếm;

C. (1) tìm kiếm; (2) thay thế; (3) chính xác; (4) yêu cầu

D. (1) thay thế; (2) tìm kiếm; (3) yêu cầu; (4) chính xác;

Câu 11: Chọn phương án trả lời Sai trong các phương án sau:

A. Công cụ “Find” giúp tìm thấy tất cả các từ cần tìm trong văn bản.

B. Nên cẩn trọng khi sử dụng “Replace All” vì việc thay thế tất cả các từ có thể làm nội dung văn bản không chính xác.

C. Để thay thế lần lượt từng từ hoặc cụm từ được tìm kiếm em sử dụng nút “Replace”

D. Để thực hiện chức năng tìm kiếm văn bản, em chọn lệnh “Find” trong thẻ “View”

Câu 12: Hãy trình bày cách sử dụng công cụ Tìm kiếm và Thay thế để sửa được chỗ viết nhầm dấu phẩy “,” thành dấu chấm phẩy “;” trong một văn bản

a) Nhập dấu phẩy “,” trong ô Find what

b) Nhập dấu chấm phẩy “;” vào ô Replace with

c) Nháy chuột vào lệnh Replace

d) Nhấn nút Replace để thay thế cụm từ vừa tìm được

Trật tự sắp xếp đúng là:

A. 2 – 3 – 1 – 4

B. 3 – 2 – 1 – 4

C. 2 – 3 – 4 – 1

D. 3 – 1 – 2 – 4

Câu 13: Phát biểu nào dưới đây là sai:

A. Công cụ tìm kiếm giúp ta nhanh chóng định vị được một cụm từ cho trước ở những vị trí nào trong văn bản

B. Công cụ Thay thế trong phần mềm soạn thảo văn bản không thể giúp ta thay cả một câu văn dài bằng một câu văn khác

C. Công cụ Tìm kiếm sẽ không cho kết quả gì khi nó không tìm thấy từ hay cụm từ cần tìm. Do đó ta kết luận là nó không có trong văn bản.

D. Công cụ thay thế giúp nhanh chóng tìm và chỉnh sửa một cụm từ bất kỳ trong văn bản.

Câu 14: Nếu không có công cụ Tìm kiếm trong phần mềm Soạn thảo văn bản, em sẽ gặp khó khăn:

A. Không thể tìm được một từ nào đó trong một văn bản dài.

B. Rất mất thời gian khi muốn biết một từ cần tìm ở những vị trí nào trong một văn bản dài.

C. Không thể biết tất cả các vị trí của từ cần tìm trong văn bản.

D. Chắc chắn nhầm lẫn khi đếm số từ cần tìm trong một văn bản dài

Câu 15: Cho đoạn văn sau:

“Sân trường em trồng rất nhiều cây bóng mát nhưng em yêu nhất là bác phượng vĩ già ngay trước cửa lớp học của em. Bác phượng vĩ đã già lắm, có lẽ từ khi ngôi trường được xây là bác đã có ở đây rồi.

Thân cây to, hai người ôm mới xuể. Vỏ cây xù xì, màu nâu sẫm. Nhưng mấy ai biết được đằng sau lớp vỏ xù xì xấu xí ấy là dòng nhựa mát lành đang cuồn cuộn chảy để nuôi cây. Cành cây to và dài như những cánh tay khổng lồ đang vươn ra để đón lấy những ánh nắng mặt trời. Rễ cây ngoằn ngoèo trên mặt đất như những con rắn hổ mang. Mùa hè, cây phượng vĩ xum xuê lá. Lá phượng màu xanh, nhỏ xíu, ngon lành như lá me non. Nhưng có lẽ, đẹp nhất vẫn là những chùm hoa phượng đỏ rực. Khi tiếng ve bắt đầu râm ran khắp không gian cũng là lúc hoa phượng hé đôi cánh đẹp xinh ra với đất trời. Hoa phượng năm cánh. Cánh hoa mềm như cánh bướm, màu đỏ thắm. Những chùm hoa lấp ló trong những tán lá xanh như những ngọn nến lung linh thấp sáng cả một khoảng trời. Hết mùa, hoa phượng rụng xuống, làm cho một góc sân như được dệt một tấm thảm nhung màu đỏ khổng lồ. Khi thu sang, những chùm hoa đỏ rực rỡ lần lượt được thay bằng những quả phượng.”

Nêu cách sử dụng công cụ phù hợp để đếm xem văn bản trên có bao nhiêu từ “phượng”?

A. Find -> nhập “phượng” trong ô Search Document -> xem số lượng kết quả tìm được

B. Find -> nhập “từ phượng” trong ô Search Document -> xem số lượng kết quả tìm được

C. Find -> nhập “tìm phượng” trong ô Search Document -> xem số lượng kết quả tìm được

D. Replace -> nhập “phượng” trong ô Search Document -> xem số lượng kết quả tìm được

Câu 16: Bạn An đang viết về đặc sản cốm Làng Vòng ở Hà Nội cho các bạn ở Tuyên Quang. Tuy nhiên bạn muốn sửa lại văn bản bằng cách thay thế tất cả các từ “món ngon” bằng từ “đặc sản” . Bạn An sẽ dùng lệnh nào trong hộp thoại “Find and Replace”?

A. Replace All

B. Replace

C. Find Next

D. Cancel

Câu 17: Hãy chỉ ra thứ tự thực hiện các từ cần bước sau để nhận được cách tìm tất cả những chỗ xuất hiện một từ cần thay thế bằng một từ khác:

- 1) Nháy chuột vào lệnh Replace all (Hình 8).
- 2) Nhập từ cần thay thế vào ô Replace With.
- 3) Nhập từ cần tìm vào ô Find What.
- 4) Nháy chuột vào lệnh Replace để mở hộp thoại Find and Replace.

Thứ tự các bước thực hiện đúng là:

A. 4 – 2 – 3 – 1

B. 4 – 3 – 2 – 1

C. 4 – 1 – 2 – 3

D. 4 – 3 – 1 – 2

Câu 18: Các bước sau để nhận được cách tìm kiếm một cụm từ trong phần mềm Soạn thảo văn bản:

- 1) Trong hộp thoại Navigation, nhập cụm từ cần tìm vào ô Search Document
- 2) Nháy chuột vào lệnh Find để mở hộp thoại Navigation.
- 3) Xem số lượng kết quả tìm kiếm bên dưới ô vừa nhập cụm từ cần tìm.
- 4) Nháy nút X ở bên phải ô chứa từ cần tìm nếu muốn kết thúc tìm kiếm cụm từ đã nhập. Đóng hộp thoại Navigation khi không tìm kiếm nữa.
- 5) Nháy chuột vào từng cụm từ tìm thấy trong hộp thoại Navigation để định vị con trỏ đến cụm từ đó trong trang văn bản.

Thứ tự sắp xếp đúng là:

A. 2 – 1 – 4 – 5 - 3

B. 2 – 5 – 3 – 1 – 4

C. 2 – 1 – 3 – 5 – 4

D. 2 – 1 – 4 – 3 – 5

Câu 19: Một phần mềm soạn thảo và gõ vào đoạn văn bản sau:

“Sa pa nằm trên một mặt bằng ở độ cao 1500m đến 1650m ở sườn núi Lô Suây Tông. Đỉnh của núi này có thể nhìn thấy ở phía đông nam của Sa Pa, có độ cao 2228m. Từ trung tâm thị xã nhìn xuống có thung lũng Ngòi Đum ở phía Đông Bắc và thung lũng Mường Hoa ở phía đông nam.

Để sửa từ “Sa pa” thành “SA PA” mà không làm thay đổi từ “Sa Pa” trong đoạn văn bản trên, ta thực hiện:

A. Chọn “Sa pa” -> mở hộp thoại tìm kiếm và thay thế (Ctrl + H) -> Nháy chuột vào more, trong danh mục Search Options chọn chế độ Match prefix

B. Chọn “Sa pa” -> mở hộp thoại tìm kiếm và thay thế (Ctrl + H) -> Nháy chuột vào more, trong danh mục Search Options chọn chế độ Match case.

C. Chọn “Sa pa” -> mở hộp thoại tìm kiếm và thay thế (Ctrl + H) -> Nháy chuột vào more, trong danh mục Search Options chọn chế độ Match suffix

D. Chọn “Sa pa” -> mở hộp thoại tìm kiếm và thay thế (Ctrl + H) -> Nháy chuột vào more, trong danh mục Search Options chọn chế độ Use wildcards

Câu 20: Cho đoạn văn bản sau:

“ho hoa ngày tết từ lâu đã trở thành một trong những nét đẹp truyền thống tốt đẹp của người dân Việt Nam. Mỗi dịp tết đến, xuân về các khu ho lại rực rỡ sắc hoa, người dân tới ho không chỉ để chọn một cảnh đào chơi tết mà còn để đắm chìm trong không gian rộn ràng của những ngày xuân”.

Đoạn văn bản trên viết sai từ “chợ” thành từ “ho”. Để sửa lỗi, ta thực hiện:

A. Chọn “ho” -> mở hộp thoại tìm kiếm và thay thế (Ctrl + H) -> Nháy chuột vào more, trong danh mục Search Options chọn chế độ Match suffix

B. Chọn “ho” -> mở hộp thoại tìm kiếm và thay thế (Ctrl + H) -> Nháy chuột vào more, trong danh mục Search Options chọn chế độ Find whole words only

C. Chọn “ho” -> mở hộp thoại tìm kiếm và thay thế (Ctrl + H) -> Nháy chuột vào more, trong danh mục Search Options chọn chế độ Find whole words forms

D. Chọn “ho” -> mở hộp thoại tìm kiếm và thay thế (Ctrl + H) -> Nháy chuột vào more, trong danh mục Search Options chọn chế độ SoundS liKe

CĐ E bài 2: Trình bày trang, định dạng và in văn bản

Câu 1: Để định dạng đoạn văn em sử dụng hộp thoại nào?

- A. Home/ Font.
- B. Insert/ Paragraph.
- C. Home/ Paragraph.**
- D. File/ Paragraph.

Câu 2: Một văn bản gồm có bao nhiêu lề?

- A. 3 lề
- B. 4 lề**
- C. 5 lề
- D. 2 lề

Câu 3: Đâu không phải là yêu cầu cơ bản khi trình bày trang văn bản:

- A. Chọn bản in**
- B. Chọn hướng trang
- C. Đặt lề trang
- D. Lựa chọn khổ giấy

Câu 4: Các lệnh định dạng trang văn bản nằm trong thẻ nào trong phần mềm soạn thảo?

- A. Page layout**
- B. Design
- C. Paragraph
- D. Font

Câu 5: Phần mềm soạn thảo văn bản không có chức năng nào sau đây?

- A. Nhập văn bản
- B. Sửa đổi, chỉnh sửa văn bản
- C. Lưu trữ và in văn bản

D. Chỉnh sửa hình ảnh và âm thanh

Câu 6: Để định dạng trang, ta cần thực hiện lệnh:

A. File → Page Setup...

B. Edit → Page Setup...

C. File → Print Setup...

D. Format → Page Setup...

Câu 7: Để đặt hướng cho trang văn bản, trên thẻ Page Layout vào nhóm lệnh Page Setup sử dụng lệnh

A. Orientation

B. Size

C. Margins

D. Columns

Câu 8: Trong phần mềm soạn thảo văn bản Word 2016, lệnh Portrait dùng để

A. chọn hướng trang đứng

B. chọn hướng trang ngang

C. chọn lề trang

D. chọn lề đoạn văn bản

Câu 9: Thao tác nào không phải là thao tác định dạng văn bản?

A. Thay đổi kiểu chữ thành chữ nghiêng

B. Chọn chữ màu xanh

C. Căn giữa đoạn văn bản

D. Thêm hình ảnh vào văn bản

Câu 10: Các phần văn bản được phân cách nhau bởi dấu ngắt đoạn được gọi là?

A. Dòng

B. Trang

C. Đoạn

D. Câu

Câu 11: Việc phải làm đầu tiên khi muốn thiết lập định dạng cho một đoạn văn bản là:

A. Vào thẻ Home, chọn nhóm lệnh Paragraph

B. Cần phải chọn toàn bộ đoạn văn bản

C. Đưa con trỏ soạn thảo vào vị trí bất kì trong đoạn văn bản

D. Nhấn phím Enter

Câu 12: Công việc nào dưới đây không liên quan đến định dạng văn bản?

A. Thay đổi phông chữ.

B. Thay đổi khoảng cách giữa các dòng.

C. Đổi kích thước trang giấy.

D. Sửa lỗi chính tả.

Câu 13: Muốn căn lề nhanh ta cần:

A. Chọn mẫu lề có sẵn trong dải lệnh Page Layout/ Page setup

B. Chọn mẫu lề có sẵn trong dải lệnh Page Layout/ Paragraph

C. Chọn mẫu lề có sẵn trong dải lệnh Page Layout/ Page Background

D. Chọn mẫu lề có sẵn trong dải lệnh Page Layout/ Themes

Câu 14: Muốn căn thẳng lề trái, ta sử dụng vào biểu tượng nào sau đây?

A. 

B. 

C. 

D. 

Câu 15: Thao tác nào sau đây không thực hiện được sau khi dùng lệnh File/Print để in văn bản?

A. Nhập số trang cần in

B. Chọn khổ giấy in

C. Thay đổi lề của đoạn văn bản

D. Chọn máy in để in nếu máy tính được cài đặt nhiều máy in

Câu 16: Phát biểu nào sau đây đúng:

A. khi soạn thảo văn bản trên máy tính, em luôn phải trình bày văn bản ngay khi gõ nội dung

B. khi gõ nội dung, khi hết dòng máy tính không tự động xuống dòng

C. khi soạn thảo văn bản trên máy tính, em có thể sửa lỗi trong văn bản sau khi gõ xong nội dung hoặc bất cứ lúc nào em cảm thấy cần thiết.

D. em chỉ có thể trình bày nội dung văn bản bằng một vài phong chữ nhất định.

Câu 17: Cho các bước sau:

(1) Chọn lệnh File trên thanh công cụ

(2) Ra lệnh in bằng nút Print

(3) Bảng in hiện ra, điền đầy đủ số bản in, chọn tên máy in, phạm vi in, và số bản in của từng trang.

(4) Chọn vào lệnh Print

Trật tự các bước thực hiện đúng:

A. 1 – 4 – 3 – 2

B. 1 – 3 – 4 – 2

C. 1 – 2 – 4 – 3

D. 1 – 4 – 2 – 3

Câu 18: Cho các bước sau:

1. Nháy chuột vào dải lệnh Page Layout

2. Đặt con trỏ chuột vào vị trí bất kì trong văn bản

3. Trong nhóm lệnh Page setup, nháy chuột vào Margins và chọn mẫu lề phù hợp

Thứ tự các bước thực hiện định dạng trang đúng là:

A. 1 – 2 – 3

B. 2 – 1 – 3

C. 3 – 1 – 2

D. 2 – 1 – 3

Câu 19: Bạn An đang định in trang văn bản, theo em khi đang ở chế độ in, An có thể làm gì?

A. Xem tất cả các trang văn bản

B. Chỉ có thể thấy trang văn bản mà An đang làm việc

C. Chỉ có thể thấy các trang không chứa hình ảnh

D. Chỉ có thể thấy trang đầu tiên của văn bản

Câu 20: Sắp xếp các bước để chọn hướng trang (Orientation)

a. Nháy chuột chọn Orientation và chọn hướng trang đứng Portrait

b. Tìm Page Setup

c. Nháy chuột chọn Page layout

Trật tự sắp xếp đúng là:

A. c - b - a

B. c - a - b

C. b - c - a

D. b - a - c

Câu 21: Để căn giữa cho nội dung của văn bản, ta có thể bấm tổ hợp phím nào sau đây:

A. Ctrl + N

B. Ctrl + U

C. Ctrl + E

D. Ctrl + V

Câu 22: Để căn thẳng hai bên cho nội dung của văn bản, ta có thể bấm tổ hợp phím nào sau đây:

A. Ctrl + V

B. Ctrl + U

C. Ctrl + F

D. Ctrl + J

Câu 23: Để in văn bản, em có thể sử dụng tổ hợp phím nào sau đây?

A. Ctrl + A

B. Ctrl + P

C. Ctrl + C

D. Ctrl + V

CĐ E bài 4: Trình bày thông tin ở dạng bảng

Câu 1: Đâu không phải là thông tin dạng bảng

- A. Bảng thời khóa biểu
- B. Bảng danh sách lớp
- C. Bảng hiệu cửa hàng ăn**
- D. Bảng điểm

Câu 2: Em có thể sử dụng lệnh nào sau đây để tạo bảng?

- A. Insert/Table**
- B. View/Table
- C. File/Table
- D. Review/Table

Câu 3: Có mấy bước thực hiện tạo bảng:

- A. 2 bước
- B. 3 bước**
- C. 4 bước
- D. 5 bước

Câu 4: Nhu cầu xử lí thông tin dạng bảng là:

- A. Dễ so sánh**
- B. Dễ in ra giấy
- C. Dễ học hỏi
- D. Dễ di chuyển

Câu 5: Sử dụng lệnh Insert/Table rồi dùng chuột kéo thả để chọn số cột và số hàng thì số cột, số hàng tối đa có thể tạo được là:

A. 10 cột, 10 hàng.

B. 10 cột, 8 hàng.

C. 8 cột, 8 hàng.

D. 8 cột, 10 hàng.

Câu 6: Độ rộng của cột và độ cao của hàng sau khi được tạo?

A. Luôn luôn bằng nhau

B. Có thể thay đổi

C. Không thể thay đổi

D. Cả 3 phương án trên đều sai

Câu 7: Khi con trỏ văn bản đang nằm bên trong bảng thì lệnh định dạng văn bản được áp dụng cho?

A. Ô con trỏ văn bản đang nằm

B. Cả bảng

C. Cột con trỏ văn bản đang nằm

D. Dòng con trỏ văn bản đang nằm

Câu 8: Ý nào sau đây chưa đúng:

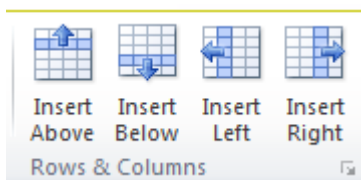
A. Delete Columns: Xoá cột đã chọn

B. Delete Rows: Xoá hàng đã chọn

C. Split Cells: Thêm ô

D. Merge Cells: Gộp nhiều ô thành một ô

Câu 9: Nút lệnh dưới đây có chức năng:



A. Chèn thêm hàng, cột

B. Điều chỉnh kích thước dòng, cột

C. Căn chỉnh lề, hướng của văn bản trong ô

D. Gộp tách ô, tách bảng

Câu 10: Cách di chuyển con trỏ soạn thảo trong bảng là:

A. Chỉ sử dụng các phím mũi tên trên bàn phím.

B. Chỉ sử dụng chuột.

C. Sử dụng thanh cuộn ngang, dọc.

D. Có thể sử dụng chuột, phím Tab hoặc các phím mũi tên trên bàn phím.

Câu 11: Em có thể sử dụng nút lệnh nào dưới đây để tạo bảng:

A. 

B. 

C. 

D. 

Câu 12: Muốn xóa bảng, sau khi chọn cả bảng, em nháy chuột phải vào ô bất kì trong bảng rồi chọn lệnh:

A. Delete Rows

B. Delete Table

C. Delete Columns

D. Delete Cells

Câu 13: Để chèn một bảng có 30 hàng và 10 cột, em sử dụng thao tác nào?

A. Chọn lệnh Insert/Table, kéo thả chuột chọn 30 hàng, 10 cột.

B. Chọn lệnh Insert/Table/Table Tools, nhập 30 hàng, 10 cột.

C. Chọn lệnh Insert/Table/Insert Table, nhập 30 hàng, 10 cột.

D. Chọn lệnh Table Tools/Layout, nhập 30 hàng, 10 cột.

Câu 14: Khi làm việc với Word xong muốn thoát khỏi, ta thực hiện?

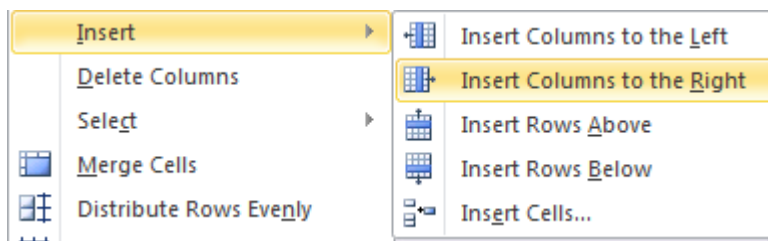
A. View/Exit

B. Home/Exit

C. File/Exit

D. Review/Exit

Câu 15: Trong phần mềm soạn thảo, thực hiện các thao tác như hình bên dưới để:



A. chèn thêm một cột vào bên trái

B. chèn thêm hàng vào bên phải

C. chèn thêm cột vào bên phải

D. chèn thêm hàng vào bên trái

Câu 16: Để chuẩn bị lên kế hoạch cho buổi dã ngoại của lớp, cô giáo giao cho hai bạn Minh và An thu thập thông tin cho buổi dã ngoại. Theo em, những thông tin nào không nên trình bày dưới dạng bảng?

A. Một đoạn văn mô tả ngắn gọn về địa điểm dã ngoại.

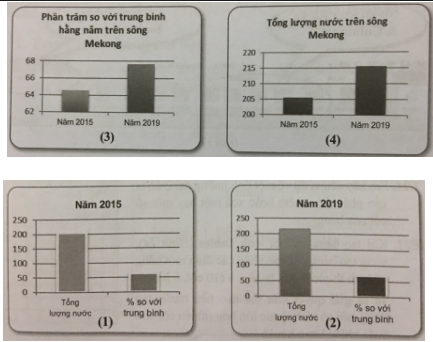
B. Chương trình hoạt động.

C. Các đồ dùng cần mang theo.

D. Phân công chuẩn bị.

Câu 17: Cho bảng tổng lượng nước và phần trăm so với trung bình hằng năm trên sông Mekong

Năm	Tổng lượng nước ()	Phần trăm so với trung bình
2015	206.4	64.49
2019	215.43	67.63



Hãy cho biết bảng bên trình bày thông tin của những biểu đồ nào trong các phương án sau đây:

- A. (1) và (2)
- B. (3) và (4)
- C. (1) và (3)
- D. (2) và (4)

Đọc bảng thông tin và trả lời câu hỏi 18 và 19:

Bảng danh sách lớp 6A với cột Tên được trình bày theo thứ tự văn A, B, C.

STT	Họ đệm	Tên
1	Nguyễn Hải	Bình
2	Hoàng Thuỳ	Dương

Câu 18: Để bổ sung bạn Ngô Văn Chính vào danh sách mà vẫn đảm bảo yêu cầu danh sách được xếp theo vần A, B, C của tên, em sẽ thêm một dòng ở vị trí nào của bảng?

- A. Thêm một dòng vào cuối bảng.
- B. Thêm một dòng vào trước dòng chứa tên bạn Bình.
- C. Thêm một dòng vào trước dòng chứa tên bạn Dương.**
- D. Thêm một dòng vào sau dòng chứa tên bạn Dương.

Câu 19: Trong bảng danh sách lớp 6A, con trỏ soạn thảo đang được đặt trong ô chứa tên bạn Bình. Để thêm một dòng vào sau dòng này, em nhấn nút phải chuột chọn Insert và chọn tiếp lệnh nào?

- A. Insert Rows Above.
- B. Insert Rows Below.**
- C. Insert Columns to the Left.
- D. Insert Columns to the Right.

CD E bài 6: Sơ đồ tư duy

Câu 1: Người ta thường dùng sơ đồ tư duy để:

- A. học các kiến thức mới
- B. không cần phải suy nghĩ gì thêm khi học tập
- C. ghi nhớ tốt hơn**
- D. bảo vệ thông tin cá nhân

Câu 2: Để tạo sơ đồ tư duy em cần phải:

- A. vẽ chủ đề chính ở bên phải tờ giấy để tiện kết nối chủ đề chính với các chủ đề phụ
- B. tạo nhánh từ các chủ đề phụ
- C. thêm từ khóa, tạo các nhánh và chọn màu khác nhau
- D. xác định chủ đề chính, tạo nhánh, thêm từ khóa và chọn màu khác nhau cho nhánh.**

Câu 3: Sơ đồ tư duy được tạo nên bởi:

- A. âm thanh, hình ảnh, màu sắc
- B. chủ đề chính, chủ đề nhánh, các đường nối**
- C. các kiến thức em được học
- D. các ý nghĩ trong đầu em

Câu 4: Đâu không phải là ưu điểm khi vẽ sơ đồ tư duy vẽ bằng máy tính:

- A. Dễ sắp xếp, bố trí, thay đổi, thêm bớt nội dung
- B. Dễ sử dụng cho các mục đích khác: đưa vào bài trình chiếu, gửi qua gmail
- C. Có thể thực hiện ở bất cứ đâu, chỉ cần đủ đồ dùng**
- D. Dễ dàng chia sẻ cho nhiều người ở các địa điểm khác nhau

Câu 5: Để lập một sơ đồ tư duy đơn giản, cần thực hiện mấy bước:

- A. 3 bước
- B. 4 bước**
- C. 5 bước
- D. 6 bước

Câu 6: Vẽ sơ đồ tư duy, ta thực hiện như sau:

- A. Triển khai các chi tiết cho chủ đề trung tâm -> Triển khai chi tiết cho các chủ đề chính -> Thể hiện chủ đề trung tâm -> Bổ sung nhánh mới.
- B. Triển khai các chi tiết cho chủ đề trung tâm -> Bổ sung nhánh mới -> Triển khai chi tiết cho các chủ đề chính -> Thể hiện chủ đề trung tâm
- C. Thể hiện chủ đề trung tâm -> Triển khai các chi tiết cho chủ đề trung tâm -> Triển khai chi tiết cho các chủ đề chính -> Bổ sung nhánh mới.**
- D. Triển khai chi tiết cho các chủ đề chính -> Bổ sung nhánh mới -> Thể hiện chủ đề trung tâm -> Triển khai các chi tiết cho chủ đề trung tâm.

Câu 7: Nhược điểm của việc tạo sơ đồ tư duy theo cách thủ công là gì?

- A. Khó sắp xếp, bố trí nội dung
- B. Hạn chế khả năng sáng tạo
- C. Không linh hoạt để có thể làm ở bất cứ đâu, đòi hỏi công cụ, khó tìm kiếm
- D. Không dễ dàng trong việc mở rộng, sửa chữa và chia sẻ cho nhiều người**

Câu 8: Phát biểu nào không phải là ưu điểm của việc tạo sơ đồ tư duy bằng phần mềm máy tính?

- A. Có thể sắp xếp, bố trí với không gian rộng mở, dễ sửa chữa, thêm bớt nội dung
- B. Có thể chia sẻ được cho nhiều người

C. Có thể làm ở bất cứ đâu, không cần công cụ hỗ trợ

D. Có thể kết hợp và chia sẻ để sử dụng cho các phần mềm máy tính khác

Câu 9: Phát biểu nào sai về việc tạo sơ đồ tư duy tốt?

A. Các đường kẻ càng ở gần hình ảnh trung tâm thì càng nên tô màu đậm hơn và kích thước dày hơn

B. Nên dùng các đường kẻ cong thay vì các đường thẳng

C. Nên bố trí thông tin đều quanh hình ảnh trung tâm

D. Không nên sử dụng màu sắc trong sơ đồ tư duy vì màu sắc làm người xem mất tập trung vào vấn đề chính

Câu 10: Giáo viên yêu cầu học sinh làm sổ lưu niệm lớp bằng sơ đồ tư duy. Theo em, đâu không phải chủ đề nhánh:

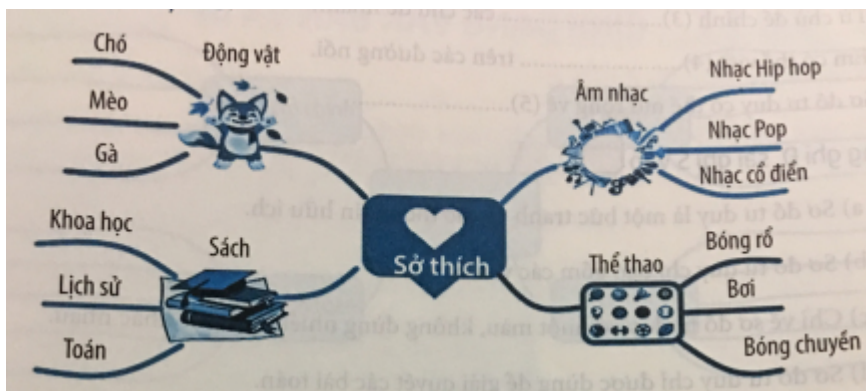
A. Các bài viết cảm nghĩ

B. Hình ảnh kỉ niệm

C. Hạnh kiểm của các thành viên

D. Hoạt động sự kiện

Câu 11: Cho sơ đồ tư duy sau:



Chủ đề nhánh nào không có trong sơ đồ tư duy trên là:

A. động vật

B. âm nhạc

C. thể thao

D. du lịch

Câu 12: Trong sơ đồ tư duy sau:



Trong sơ đồ trên có bao nhiêu chủ đề nhánh:

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 13: Cho các thông tin sau:

a. Vẽ các hình elip và viết các từ “đường ô tô”, “đường hàng không”, “đường sông”, “đường biển”, “đường sắt”, “đường ống” vào các hình elip

b. thảo luận về các loại hình giao thông vận tải

c. Vẽ các đường nối từ chủ đề chính đến các chủ đề nhánh. Trên các đường nối, viết các từ, ví dụ từ “máy bay” trên đường nối với chủ đề nhánh “đường hàng không”.

d. viết từ “giao thông vận tải” trong hình elip ở giữa tờ giấy

e. vẽ hình elip ở giữa tờ giấy

Trật tự sắp xếp đúng là:

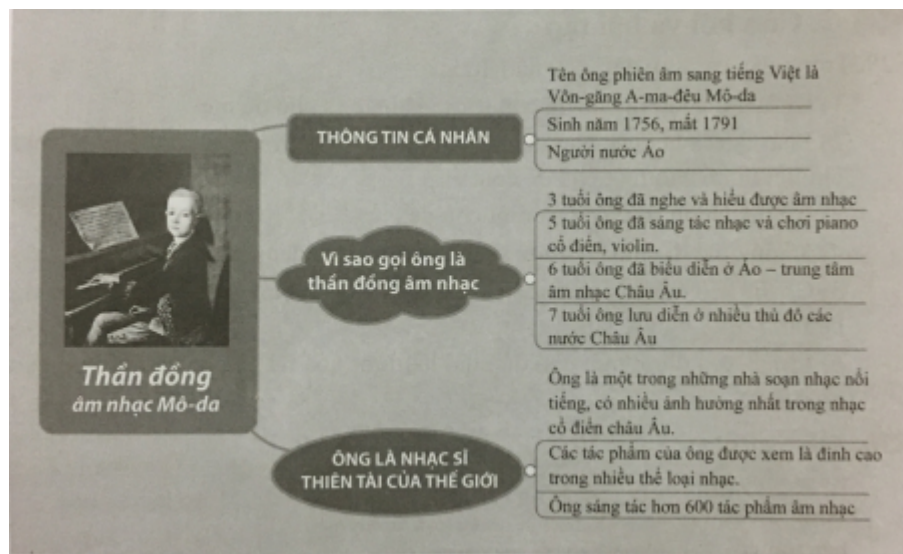
A. b – e – d – a – c

B. e – b – d – a – c

C. b – e – a – d – c

D. b – e – d – c – a

Quan sát sơ đồ tư duy dưới đây, trả lời câu hỏi từ 14 đến 18:



Câu 14: Chủ đề trung tâm của sơ đồ tư duy là:

A. Thông tin cá nhân thần đồng âm nhạc Mô - da

B. Vì sao gọi Mô – da là thần đồng âm nhạc

C. Mô – da là nhạc sĩ thiên tài của thế giới

D. Thần đồng âm nhạc Mô - da

Câu 15: Chủ đề trung tâm được triển khai thành bao nhiêu ý chính:

A. 2 ý

B. 3 ý

C. 4 ý

D. 5 ý

Câu 16: Đâu là chủ đề mẹ của chủ đề “Vì sao gọi ông là thần đồng âm nhạc”.

- A. 3 tuổi ông đã nghe và hiểu được âm nhạc
- B. 5 tuổi ông đã sáng tác nhạc và chơi piano cổ điển, violin
- C. 7 tuổi ông lưu diễn ở nhiều thủ đô các nước châu Âu

D. Thần đồng âm nhạc Mô-da

Câu 17: “Ông sáng tác hơn 600 tác phẩm âm nhạc” là một chi tiết của chủ đề....

- A. Thông tin cá nhân
- B. Ông là nhạc sĩ thiên tài của thế giới**
- C. Vì sao gọi ông là thần đồng âm nhạc
- D. Thần đồng âm nhạc Mô – da

Câu 18: Đâu không phải là chi tiết của chủ đề “Ông là nhạc sĩ thiên tài của thế giới”

- A. Các tác phẩm của ông được xem là đỉnh cao trong nhiều thể loại nhạc
- B. 3 tuổi ông đã nghe và hiểu được âm nhạc**
- C. Ông là một trong những nhà soạn nhạc nổi tiếng, có nhiều ảnh hưởng nhất trong nhạc cổ điển châu Âu
- D. Ông sáng tác hơn 600 tác phẩm âm nhạc

Đọc đoạn thông tin sau và trả lời câu hỏi 19 và 20:

Để có một cuộc sống khỏe mạnh, bạn cần:

- + Thực hiện chế độ ăn uống khoa học: ăn nhiều hoa quả và rau xanh; hạn chế sử dụng các thực phẩm có nhiều đường và chất béo; uống đủ nước mỗi ngày; ...
- + Thường xuyên vận động điều độ: đi bộ; bơi lội đá bóng, đá cầu; không nên vận động quá sức; không nên ngồi một chỗ quá lâu; ...
- + Đảm bảo có giấc ngủ tốt: phải ngủ đủ giấc và không nên đi ngủ muộn; trước lúc chuẩn bị đi ngủ, hãy thư giãn, hạn chế xem ti vi hay sử dụng điện thoại di động....

Câu 19: Từ thông tin trên, để vẽ sơ đồ tư duy, xác định chủ đề chính là:

A. Ăn uống khoa học

B. Vận động điều độ

C. Cuộc sống khỏe mạnh

D. Có giấc ngủ tốt

Câu 20: Từ thông tin trên, đâu không phải là chủ đề nhánh:

A. Có giấc ngủ tốt

B. Luôn yêu đời và mỉm cười

C. Vận động điều độ

D. Ăn uống khoa học

CÁC CÂU HỎI CẦN CHUẨN BỊ ĐỂ THI HỌC KỲ 2 (Học sinh tự tìm đáp án ở các bài ÔN HK2 LỚP 6)

BÀI THI HỌC KỲ 2 CHỈ GỒM CÁC CÂU HỎI VÀ ĐÁP ÁN NGẮN NÊN HỌC SINH CHỈ CẦN HỌC CÁC CÂU NGẮN SẼ ĐƯỢC TẦM 6,7 ĐIỂM. PHẢI HIỂU BÀI MỚI ĐƯỢC 8,9,10 ĐIỂM

Chủ Đề D bài 1: Mặt trái của Internet

Câu 2: Con đường nào không lây truyền virus?

Câu 7: Đâu là tác hại khi tham gia internet?

Chủ Đề D bài 2: Sự an toàn và hợp pháp khi sử dụng thông tin

Câu 14: Mật khẩu nào sau đây của bạn Nguyễn Văn An là chưa đủ mạnh?

Câu 16: Đâu là mật khẩu mạnh theo đúng tiêu chuẩn các chuyên gia khuyến nghị?

Chủ Đề E bài 1: Tìm kiếm và thay thế trong soạn thảo văn bản

Câu 1: Công cụ tìm kiếm và thay thế nằm trên dải lệnh?

Câu 3: Để sử dụng lệnh tìm kiếm, trong nhóm Editing, ta click chuột vào?

Câu 4: Để sử dụng lệnh thay thế, trong nhóm Editing, ta click chuột vào?

Câu 7: Để sử dụng công cụ Tìm kiếm và Thay thế ta sử dụng hộp thoại nào?

Chủ Đề E bài 2: Trình bày trang, định dạng và in văn bản

Câu 1: Để định dạng đoạn văn em sử dụng hộp thoại nào?

Câu 2: Một văn bản gồm có bao nhiêu lề?

Câu 3: Đâu không phải là yêu cầu cơ bản khi trình bày trang văn bản?

Câu 4: Các lệnh định dạng trang văn bản nằm trong thẻ nào trong phần mềm soạn thảo?

Câu 5: Phần mềm soạn thảo văn bản không có chức năng nào sau đây?

Câu 10: Các phần văn bản được phân cách nhau bởi dấu ngắt đoạn được gọi là?

Câu 12: Công việc nào dưới đây không liên quan đến định dạng văn bản?

Câu 14: Muốn căn thẳng lề trái, ta sử dụng vào biểu tượng nào sau đây?

Câu 21: Để căn giữa cho nội dung của văn bản, ta có thể bấm tổ hợp phím nào sau đây?

Câu 22: Để căn thẳng hai bên cho nội dung của văn bản, ta có thể bấm tổ hợp phím nào sau đây?

Câu 23: Để in văn bản, em có thể sử dụng tổ hợp phím nào sau đây?

Chủ Đề E bài 4: Trình bày thông tin ở dạng bảng

Câu 1: Đâu không phải là thông tin dạng bảng?

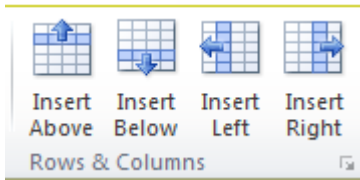
Câu 2: Em có thể sử dụng lệnh nào sau đây để tạo bảng?

Câu 4: Nhu cầu xử lý thông tin dạng bảng là?

Câu 6: Độ rộng của cột và độ cao của hàng sau khi được tạo?

Câu 7: Khi con trỏ văn bản đang nằm bên trong bảng thì lệnh định dạng văn bản được áp dụng cho?

Câu 9: Nút lệnh dưới đây có chức năng?



Câu 11: Em có thể sử dụng nút lệnh nào dưới đây để tạo bảng?

Câu 12: Muốn xóa bảng, sau khi chọn cả bảng, em nháy chuột phải vào ô bất kỳ trong bảng rồi chọn lệnh?

Chủ Đề E bài 6: Sơ đồ tư duy

Câu 1: Người ta thường dùng sơ đồ tư duy để?

Câu 3: Sơ đồ tư duy được tạo nên bởi?

CĐ F bài 1: Khái niệm thuật toán

CĐ F bài 2: Mô tả thuật toán, cấu trúc tuần tự trong thuật toán

CĐ F bài 3: Cấu trúc rẽ nhánh trong thuật toán

CĐ F bài 4: Cấu trúc lặp trong thuật toán

CĐ F bài 4: Cấu trúc lặp trong thuật toán

Câu 1: Ta sử dụng cấu trúc lặp khi:

- A. Liệt kê các bước theo trình tự thực hiện
- B. Có một vài thao tác được thực hiện lặp lại một số lần liên tiếp trong quá trình thực hiện**
- C. Có các trường hợp khác nhau cần xem xét trong quá trình thực hiện
- D. Cả ba đáp án A, B, C đều đúng

Câu 2: Phát biểu nào sau đây không đúng?

- A. trong cấu trúc lặp, mỗi bước phải được thực hiện nhiều hơn một lần**
- B. Cấu trúc lặp với số lần lặp đã biết trước luôn có thể chuyển thành cấu trúc lặp với kiểm tra điều kiện lặp
- C. trong cấu trúc lặp, điều kiện lặp có thể đúng ngay từ đầu
- D. Cả 3 đáp án trên đều sai

Câu 3: Đâu không phải là mẫu thể hiện cấu trúc lặp:

- A. “Lặp với...từ...đến... Hết lặp”
- B. “Lặp khi <Điều kiện lặp>:.... Hết lặp”
- C. “Nếu <Điều kiện>:..... trái lại:Hết lặp”**
- D. Cả 3 đáp án trên đều sai

Câu 4: Dữ liệu do biến lưu trữ gọi là:

- A. giá trị của biến**
- B. biến
- C. thuật toán
- D. đại lượng

Câu 5: Cấu trúc lặp dùng để mô tả các bước của thuật toán được thực hiện:

- A. Chỉ được lặp duy nhất 1 lần
- B. Lặp lại nhiều lần
- C. Câu A đúng, câu B sai

D. Câu A sai, câu B đúng

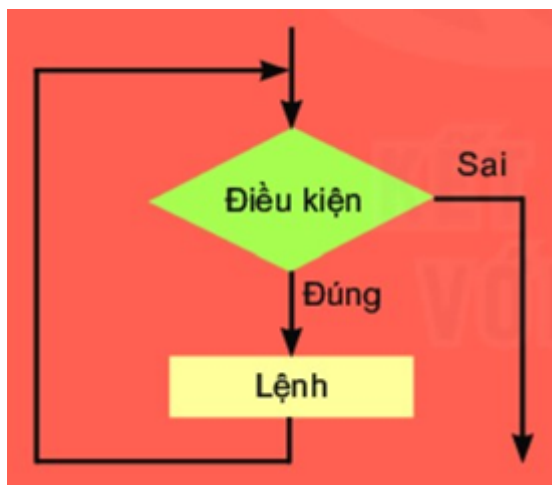
Câu 6: Để thể hiện cấu trúc lặp khi biết trước số lần lặp ta sử dụng mẫu:

- A. “Lặp khi <Điều kiện lặp>.... Hết lặp”
- B. “Nếu.... trái lại...Hết lặp”

C. “Lặp với...từ...đến... Hết lặp”

- D. Cả A, B, C đều sai

Câu 7: Cấu trúc dưới đây được gọi là:



A. Cấu trúc lặp

- B. Cấu trúc tuần tự
- C. Cấu trúc rẽ nhánh
- D. Một cấu trúc khác

Câu 8: Trong cấu trúc lặp bao giờ cũng có:

- A. khâu đặt điều kiện rẽ nhánh

B. khâu kiểm tra điều kiện kết thúc quá trình lặp

C. khâu kết thúc tuần tự

D. khâu kiểm tra điều kiện rẽ nhánh

Câu 9: Phát biểu nào sau đây là sai?

A. Cấu trúc lặp có số lần lặp luôn được xác định trước.

B. Cấu trúc lặp bao giờ cũng có điều kiện để vòng lặp kết thúc.

C. Cấu trúc lặp có hai loại là lặp với số lần biết trước và lặp với số lần không biết trước.

D. Cấu trúc lặp có loại kiểm tra điều kiện trước và loại kiểm tra điều kiện sau.

Câu 10: Trong các câu sau, câu phát biểu sai là:

A. Đầu vào của bài toán nhiều chỗ giống nhau sẽ yêu cầu thuật toán có cấu trúc lặp

B. Có cấu trúc lặp trong thuật toán khi mô tả thuật toán thấy có một loạt thao tác kế tiếp nhau được lặp lại

C. Trong mẫu cấu trúc "Lặp khi < điều kiện lặp > được thỏa mãn..." thao tác lặp được thực hiện ít nhất một lần

D. Cấu trúc lặp luôn kết thúc với dấu hiệu "Hết lặp"

Câu 11: Trong các ví dụ sau, đâu là câu nào có thể biểu diễn bằng cấu trúc lặp:

A. Nếu sáng mai trời mưa, em sẽ mang theo áo mưa.

B. Nếu vẫn chưa làm hết bài tập, em phải làm bài tập đến khi nào hết.

C. Nếu được nghỉ ba ngày vào dịp Tết Dương lịch thì gia đình em sẽ đi du lịch, còn không sẽ có kế hoạch khác.

D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 12: Công việc trong cuộc sống mà việc thực hiện gồm các bước được thực hiện lặp lại nhiều lần:

- A. Rửa rau giúp mẹ
- B. Thức dậy và đánh răng
- C. Đếm số học sinh có điểm 10 môn Toán kiểm tra cuối học kì

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng

Câu 13: Bạn Hải đã viết một chương trình điều khiển chú mèo di chuyển liên tục trên sân khấu cho đến khi chạm phải chú chó. Bạn Hải nên dùng loại cấu trúc điều khiển nào để thực hiện yêu cầu di chuyển liên tục của chú mèo?

- A. Cấu trúc rẽ nhánh dạng đủ.
- B. cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu.

C. Cấu trúc lặp.

- D. Cấu trúc tuần tự.

Câu 14: “Tính tổng số quả táo của 5 thành viên trong gia đình em”. Cấu trúc phù hợp nhất trong trường hợp này là:

- A. Cấu trúc lặp không biết trước số lần lặp

B. Cấu trúc lặp biết trước số lần lặp

- C. Cấu trúc rẽ nhánh
- D. Cấu trúc tuần tự

Câu 15: Cho thuật toán sau:

Đầu vào: Các số tự nhiên liên tiếp bắt đầu từ số 1

Đầu ra: Tổng các số tự nhiên liên tiếp lớn hơn 500

Các bước của thuật toán

Bước 1: Tổng đang có =1

Bước 2: Lặp khi tổng các số tự nhiên liên tiếp bắt đầu từ 1 bé hơn 500

a. Các số tự nhiên liên tiếp bắt đầu từ 1, gọi là các số tự nhiên liên tiếp bắt đầu từ 1

b. Cộng thêm các số liên tiếp bắt đầu từ 1 vào Tổng đang có

Hết lặp

Bước 3: Thông báo: Đáp số cần tìm là Tổng đang có

Trong các bước thực hiện trên, bước nào còn chưa đúng:

A. Bước 1

B. Bước 2

C. Bước 3

D. Cả ba bước đều sai

Câu 16: Sắp xếp các bước để mô tả đúng thuật toán robot vẽ được một hình vuông có độ dài cạnh là a cm

(1) Lặp với đếm từ 1 đến 4

(2) Di chuyển (a)

(3) Quay phải (90)

(4) Hạ bút

(5) Nhấc bút

(6) Hết lặp

Trật tự sắp xếp đúng:

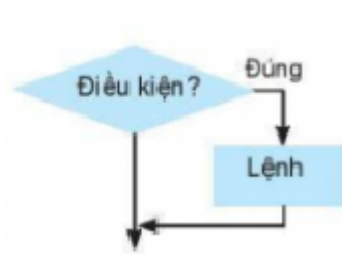
A. (1) -> (3) -> (4) -> (2) -> (5) -> (6)

B. (1) -> (2) -> (3) -> (4) -> (5) -> (6)

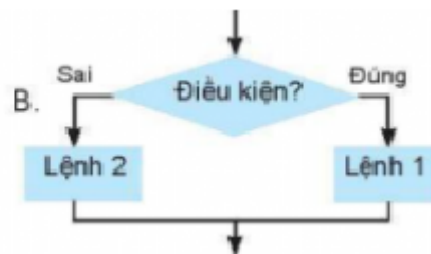
C. (1) -> (4) -> (2) -> (5) -> (3) -> (6)

D. (1) -> (3) -> (2) -> (5) -> (4) -> (6)

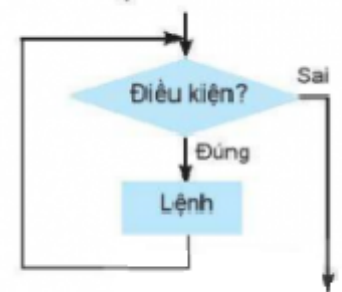
Câu 17: Trong các sơ đồ khối sau, sơ đồ khối nào thể hiện cấu trúc lặp kiểm tra điều kiện:



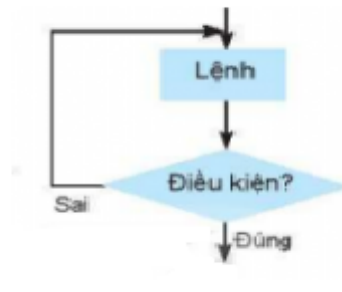
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

Câu 19: Thuật toán dưới đây thuộc cấu trúc:



Hình 6.11a

A. Cấu trúc nhánh dạng thiếu

B. Cấu trúc nhánh dạng đủ

C. Cấu trúc lặp

D. Cấu trúc tuần tự

CĐ F bài 1: Khái niệm thuật toán

Câu 1: Trong các công việc hàng ngày chúng ta cần làm gì để có hiệu quả?

A. Cần có kế hoạch cụ thể cho từng công việc

B. Nhờ người khác làm giúp công việc

C. Thuê người khác làm thay công việc của mình

D. Gặp công việc nào làm công việc đó

Câu 2: Khi một công việc lớn có nhiều việc nhỏ chúng ta cần làm gì để công việc dễ dàng thực hiện hơn?

A. Cần có kế hoạch cụ thể cho từng công việc nhỏ

B. Tìm hướng giải quyết công việc lớn luôn

C. Chia công việc lớn thành nhiều công việc nhỏ và lên kế hoạch giải quyết từng công việc nhỏ để hoàn thành công việc lớn

D. Chia công việc lớn thành nhiều công việc nhỏ

Câu 3: Trong các câu sau đây câu nào đúng?

A. Bài toán là một vấn đề phải giải quyết bằng tính toán.

B. Bài toán là một nhiệm vụ cần hoàn thành, đã xác định rõ ràng đầu vào

C. Thuật toán là cách để tính toán nhanh

D. Thuật toán là một quy trình chặt chẽ gồm một số bước, có chỉ rõ trình tự thực hiện để hoàn thành một nhiệm vụ, giải quyết một vấn đề nào đó.

Câu 4: Khi các công việc sắp xếp lộn xộn thì em cần làm gì?

A. Thực hiện công việc theo thứ tự đó

B. Cần sắp xếp lại theo một trình tự đảm bảo tính khoa học và logic để công việc có thể thực hiện được

C. Tìm các công việc dễ để thực hiện trước

D. Bỏ qua công việc không cần thực hiện

Câu 5: Thuật toán có thể được mô tả bằng:

A. ngôn ngữ viết

B. ngôn ngữ kí hiệu

C. ngôn ngữ logic toán học

D. ngôn ngữ tự nhiên (liệt kê các bước) và sơ đồ khối

Câu 6: Việc xác định bài toán là đi xác định các thành phần nào?

A. Input

B. Output

C. Input và Output

D. Không có thành phần nào

Câu 7: Input là gì?

A. Thuật toán

B. Bài toán

C. Thông tin vào

D. Chương trình

Câu 8: Trong các ví dụ sau, ví dụ nào là thuật toán?

A. Một bản nhạc hay.

B. Một bức tranh đầy màu sắc.

C. Một bản hướng dẫn về cách nướng bánh với các bước cần làm.

D. Một bài thơ lục bát.

Câu 9: Output là gì?

A. Thông tin ra

- B. Thông tin vào
- C. Thuật toán
- D. Chương trình

Câu 10: Với mỗi phát biểu sau đây, hãy cho biết phát biểu nào đúng:

- A. Chỉ có một thuật toán để giải một bài toán
- B. Đầu ra của bài toán cũng là đầu ra của thuật toán
- C. Có thể có nhiều thuật toán để giải một bài toán**
- D. Đầu vào của bài toán khác với đầu vào của thuật toán

Câu 11: Mẹ dặn Nam ở nhà nấu cơm và nhớ thực hiện tuần tự các bước sau:

Bước 1: Chuẩn bị nồi cơm điện, gạo, nước

Bước 2: Cho gạo và nước với tỉ lệ phù hợp vào nồi

Bước 3: Cắm điện, bật nút nấu

Bước 4: Cơm chín, đánh tơi cơm

Các bước trên được gọi là:

- A. Bài toán
- B. Người lập trình
- C. Máy tính điện tử
- D. Thuật toán**

Câu 12: Trong các ví dụ sau, đâu là thuật toán:

- A. một dãy các bước hướng dẫn tính diện tích của hình thang cân**
- B. một bài văn tả cảnh hoàng hôn ở biển
- C. một bài hát mang âm điệu dân gian
- D. một bản nhạc tình ca

Câu 13: Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Mỗi bài toán chỉ có duy nhất một thuật toán để giải.
- B. Trình tự thực hiện các bước trong thuật toán không quan trọng.
- C. Trong thuật toán, với dữ liệu đầu vào luôn xác định được kết quả đầu ra.**
- D. Một thuật toán có thể không có đầu vào và đầu ra.

Câu 14: Sắp xếp lại thứ tự thực hiện công việc tính tổng 2 số 3 và 5 bằng máy tính bỏ túi

- (1) nhấn dấu + (2) nhấn số 5
- (3) Nhấn số 3 (4) nhấn =

Sắp xếp đúng các bước thực hiện là:

- A. 2 – 4 – 3 – 2
- B. 3 – 1 – 2 – 4**
- C. 2 – 3 – 1 – 4
- D. 2 – 1 – 4 – 3

Câu 15: “Thuật toán tìm số lớn hơn trong hai số a, b”. Đầu ra là:

- A. hai số a, b
- B. số lớn hơn**
- C. số bé hơn
- D. số bằng nhau

Câu 16: “Thuật toán nhân đôi số a”. Đầu ra là:

- A. Số a
- B. giá trị a
- C. giá trị $2 \times a$**
- D. giá trị $4 \times a$

Câu 17: Sắp xếp lại thứ tự thực hiện công việc pha trà mời khách

- (1) Rót nước sôi vào ấm đợi khoảng 3-4 phút
- (2) Tráng ấm chén bằng nước sôi
- (3) Rót trà ra chén mời khách
- (4) Cho trà vào ấm

Trật tự các bước thực hiện đúng:

- A. 3 -> 1 -> 2 -> 4
- B. 3 -> 2 -> 1 -> 4
- C. 3 -> 2 -> 4 -> 1**
- D. 3 -> 4 -> 1 -> 2

Câu 18: Bạn Thành viết một thuật toán mô tả việc đánh răng. Bạn ấy ghi các bước như sau:

- (1) Rửa sạch bàn chải.
- (2) Súc miệng.
- (3) Chải răng.
- (4) Cho kem đánh răng vào bàn chải.

Trật tự sắp xếp đúng là:

- A. (1) (2) (3) (4)
- B. (4) (3) (2) (1)**
- C. (2) (3) (1) (4)
- D. (4) (2) (1) (3)

Câu 19: Cho 2 số nguyên a và b ($a \neq 0$). Có thuật toán được mô tả bằng cách liệt kê như sau:

Bước 1 : Nhập a, b.

Bước 2 : Nếu $a \leftarrow 0$ thì quay lại bước 1, ngược lại thì qua bước 3.

Bước 3 : Gán $x \leftarrow -b/a$, rồi qua bước 4.

Bước 4 : Đưa ra kết quả x và kết thúc.

Hãy cho biết thuật toán này tính gì?

A. Tìm nghiệm phương trình bậc nhất

B. Tìm giá trị lớn nhất của 2 số a và b .

C. Tìm giá nhỏ lớn nhất của 2 số a và b .

D. Thuật toán bị sai nên nên không đưa ra được kết quả.

Câu 20: Bạn Tuấn nghĩ về những công việc sẽ thực hiện sau khi thức dậy vào buổi sáng. Bạn ấy viết một thuật toán bằng cách ghi ra từng bước, từng bước một. Bước đầu tiên bạn ấy viết ra là: "Thức dậy". Em hãy cho biết bước tiếp theo là gì?

A. Đánh răng.

B. Thay quần áo.

C. Đi tắm.

D. Ra khỏi giường.

Câu 21: Ai là cha đẻ của thuật toán:

A. Antonio Meucci

B. Philo Farnsworth

C. Alan Mathison Turing

D. Nicholas-Joseph Cugnot

CĐ F bài 2: Mô tả thuật toán, cấu trúc tuần tự trong thuật toán

Câu 1: Điền từ vào chỗ chấm: là bản mô tả thuật toán cho máy tính bằng ngôn ngữ lập trình

A. Phần mềm máy tính

B. Bài toán

C. Chương trình máy tính

D. Một đáp án khác

Câu 2: Phát biểu nào sau đây đúng:

A. Bài toán là bản mô tả thuật toán cho máy tính bằng ngôn ngữ lập trình.

B. Chỉ có một ngôn ngữ lập trình được tạo ra để viết chương trình dành cho máy tính.

C. Mỗi chương trình máy tính là một bản mô tả các việc cần làm mà máy tính có thể làm được theo từng bước để giải quyết một bài toán cụ thể.

D. Hiện nay máy tính đã trực tiếp hiểu được ngôn ngữ của con người

Câu 3: Trong các câu sau, câu nào sai:

A. Chương trình máy tính là một bản mô tả thuật toán cho máy tính bằng ngôn ngữ lập trình

B. Thuật toán có cấu trúc tuần tự khi không có bước nào giống bước nào

C. Thuật toán có cấu trúc tuần tự khi các bước được thực hiện theo đúng trình tự liệt kê trong mô tả thuật toán

D. Khi các bước được thực hiện theo đúng trình tự liệt kê trong mô tả thuật toán thì ta có cấu trúc tuần tự

Câu 4: Cấu trúc tuần tự là gì?

A. Là cấu trúc xác định thứ tự dữ liệu được lưu trữ.

B. Là cấu trúc xác định thứ tự các bước được thực hiện.

C. Là cấu trúc lựa chọn bước thực hiện tiếp theo.

D. Là cấu trúc xác định số lần lặp lại một số bước của thuật toán.

Câu 5: Câu nào dưới đây là đúng?

A. “Nếu trời mưa thì em sẽ không đi dã ngoại với các bạn” có chứa cấu trúc lặp

B. “Nếu được nghỉ bốn ngày vào dịp Quốc khánh mừng 2 – 9 thì gia đình em sẽ đi du lịch tại Đà Nẵng, còn không sẽ có kế hoạch khác” có chứa cấu trúc lặp

C. “Nếu vẫn chưa làm xong bài tập về nhà môn Toán, em phải làm bài tập cho đến khi nào xong thì dừng” có chứa cấu trúc rẽ nhánh.

D. “Tính diện tích lá cờ tổ quốc có hình chữ nhật” có chứa cấu trúc tuần tự

Câu 6: “Tính giá trị tổng của a và b” có chứa cấu trúc nào?

A. Cấu trúc tuần tự

B. Cấu trúc nhánh dạng thiếu

C. Cấu trúc nhánh dạng đủ

D. Cấu trúc lặp

Câu 7: Trong bài toán “Cho N và M. Tìm bội chung nhỏ nhất của chúng”. Đầu ra của bài toán là:

A. N và M

B. Bội chung nhỏ nhất

C. N và Bội chung nhỏ nhất

D. N, M và bội chung nhỏ nhất

Câu 8: Đoạn văn sau mô tả công việc rửa rau: " Em hãy cho rau vào chậu và xả nước ngập rau. Sau đó em dùng tay đảo rau trong chậu. Cuối cùng em vớt rau ra rổ và đổ hết nước trong chậu đi."

Đoạn văn bản trên thể hiện cấu trúc điều khiển nào?

A. Cấu trúc tuần tự.

B. cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu.

C. Cấu trúc lặp.

D. Cấu trúc rẽ nhánh dạng đủ.

Câu 9: Bài toán: Tính diện tích của một sân vận động có dạng một hình chữ nhật ghép thêm hai nửa hình tròn ở hai chiều rộng, cho biết chiều dài, chiều rộng hình chữ nhật. Đầu vào của bài toán là:

A. Chiều rộng b

B. Chiều dài a

C. Đường kính c

D. Chiều dài a, chiều rộng b

Câu 10: Bài toán: Tính diện tích của một sân vận động có dạng một hình chữ nhật ghép thêm hai nửa hình tròn ở hai chiều rộng, cho biết chiều dài, chiều rộng hình chữ nhật. Đầu ra của bài toán là:

A. Diện tích hình chữ nhật

B. Diện tích hai nửa hình tròn

C. Diện tích sân vận động

D. Diện tích hình chữ nhật, diện tích hai nửa hình tròn và diện tích sân vận động.

Câu 11: Cho bài toán: Tính điểm trung bình ba môn Toán, Ngữ văn, Tiếng anh". Hãy cho biết đầu ra của bài toán là gì?

A. Tổng điểm Toán, Ngữ văn, Tiếng anh

B. Điểm ba môn Toán, Ngữ văn, Tiếng anh

C. Điểm trung bình cộng ba môn Toán, Ngữ văn, Tiếng anh

D. Điểm trung bình cộng môn Toán và Ngữ văn

Câu 12: Cách làm salad cá ngừ:

1. Cá ngừ dầm nhỏ
2. Đổ sốt mayonnaise ra bát, thêm nước cốt chanh, muối tiêu và trộn đều
3. Rửa sạch rau xà lách, để ráo rồi cắt nhỏ
4. Cà chua thái lát. Hành tây bóc vỏ thái khoanh mỏng
5. Cho xà lách, hành tây, quả ô liu, cá ngừ vào tô lớn, rưới nước sốt lên rồi trộn đều, thêm vài lát cà chua để trang trí là có thể dùng được.

Em hãy cho biết, Input của bài toán là gì?

A. Các bước thực hiện

B. Các loại nguyên liệu

C. Cá ngừ

D. Salad cá ngừ

Câu 13: Cho các bước sau:

1. Nhập giá trị a, giá trị b, giá trị c.
2. Trung bình cộng $\leftarrow$ Tổng : 3
3. Thông báo giá trị Trung bình cộng.
4. Tổng $\leftarrow a + b + c$.

Các bước mô tả thuật toán đúng:

A. (1) – (2) – (4) – (3)

B. (1) – (4) – (2) – (3)

C. (1) – (3) – (4) – (2)

D. (1) – (2) – (3) – (4)

Câu 14: Cho các bước sau:

- (1) Vệ sinh giẻ và chậu rửa.
- (2) Rửa xà phòng
- (3) Dọn sạch thực phẩm thừa
- (4) Tráng lại bằng nước sạch

Trình tự đúng để rửa bát:

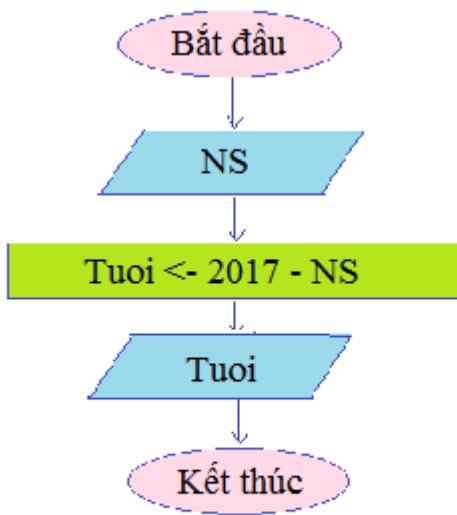
- A. (1) -> (3) -> (2) -> (4)
- B. (1) -> (2) -> (3) -> (4)
- C. (3) -> (2) -> (1) -> (4)**
- D. (2) -> (3) -> (1) -> (4)

Câu 15: Sắp xếp các bước để mô tả đúng thuật toán tính diện tích hình tròn khi biết chu vi của nó:

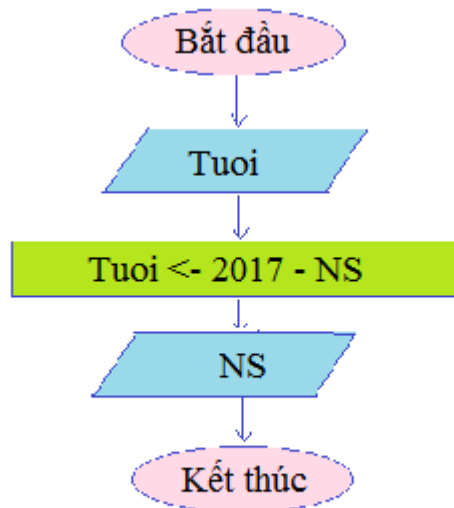
- (1) Tìm bán kính hình tròn $r = C : 2 : \pi$ (dựa theo công thức $C = r * 2\pi$)
- (2) gọi C là chu vi, r là bán kính hình tròn
- (3) Tính diện tích hình tròn, gọi A là diện tích hình tròn, ta có $A = \pi .r^2$

- A. (3) -> (1) -> (2)
- B. (2) - > (1) -> (3)**
- C. (1) -> (2) -> (3)
- D. (2) -> (3) -> (1)

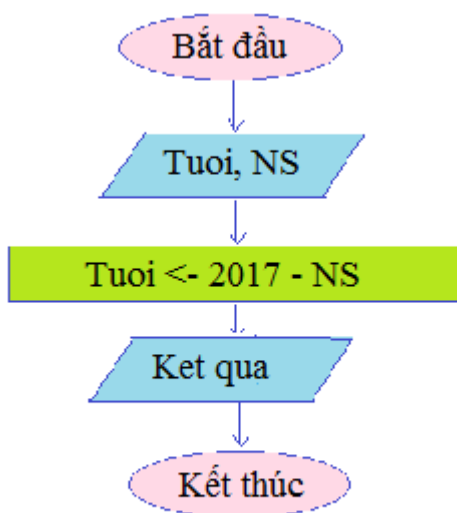
Câu 16: Viết chương trình nhập vào năm sinh, xuất ra màn hình số tuổi, mốc tính là năm 2017. Chọn đáp án đúng:



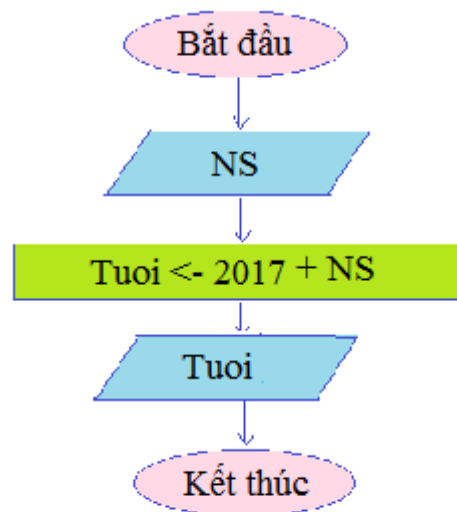
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

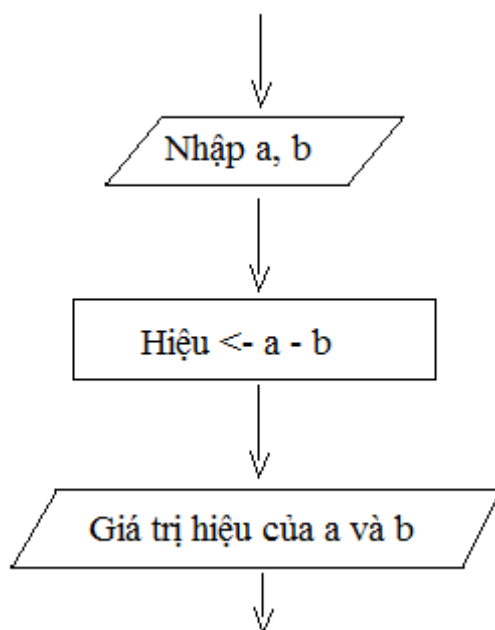
D. Hình 4

Câu 17: Sắp xếp các bước sau để trở thành một thuật toán đúng:



- A. (1) -> (3) -> (2) -> (4) ->(6) ->(5)
- B. (1) -> (2) -> (3) -> (4) ->(6) ->(5)
- C. (1) -> (3) -> (4) -> (2) ->(6) ->(5)**
- D. (1) -> (3) -> (2) -> (6) ->(4) ->(5)

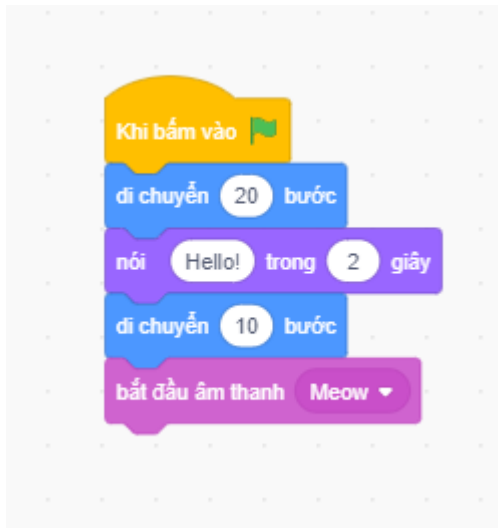
Câu 18: Cho thuật toán sau:



Bài toán của thuật toán trên là:

- A. Cho hai số a, b. Tính giá trị của a trừ b
- B. Nhập giá trị hai số a, b. Tính giá trị của b trừ a
- C. Tính giá trị tổng của a và b
- D. Cho giá trị hai số a, b. Tính giá trị hiệu của a và b**

Có một chương trình được tạo ra trong môi trường Scratch điều khiển chú mèo làm một số việc. Quan sát chương trình máy tính và trả lời hai câu hỏi (19) và (20):



Câu 19: Chương trình máy tính trên có bao nhiêu bước mô tả thuật toán:

- A. 3 bước
- B. 4 bước
- C. 5 bước**
- D. 6 bước

Câu 20: Bước nào không có trong chương trình máy tính trên:

- A. Di chuyển 20 bước
- B. Di chuyển thêm 10 bước nữa
- C. Bật âm thanh Meow
- D. Nói xin chào trong 5 giây**

CĐ F bài 3: Cấu trúc rẽ nhánh trong thuật toán

Câu 1: Trong quá trình hiện cấu trúc rẽ nhánh, khi điều kiện thỏa mãn thì đó là:

- A. Nhánh đúng**
- B. Nhánh sai
- C. Hết nhánh
- D. Cả A, B, C đều sai

Câu 2: Để thể hiện cấu trúc rẽ nhánh, ta quy ước sử dụng cặp từ khóa:

- A. "Nếu.....trái lại"**
- B. "Nếuthì"
- C. "Nếucó"
- D. "Nếu..... lại"

Câu 3: Cấu trúc rẽ nhánh luôn kết thúc với dấu hiệu

- A. "Ngược lại".
- B. "Hết nhánh".**
- C. "Kết thúc".
- D. "Trái lại".

Câu 4: Cú pháp rẽ nhánh dạng đủ là:

- A. "Nếu <điều kiện> :..... trái lại. Hết nhánh"**
- B. "Nếu <điều kiện> : Hết nhánh"
- C. "Khi <Điều kiện> :trái lại. Hết nhánh"
- D. Cả ba đáp án trên đều sai

Câu 5: Trong cuộc sống hằng ngày, từ "nếu" được dùng để chỉ một:

- A. Hành động

B. Điều kiện

C. Thuật toán

D. Kết quả

Câu 6: Để thể hiện cấu trúc rẽ nhánh cần nhận biết các thành phần. Chọn đáp án không đúng

A. Điều kiện rẽ nhánh là gì.

B. Bước tiếp theo cần thực hiện nếu điều kiện được thỏa mãn, gọi là nhánh đúng

C. Đầu vào, đầu ra

D. Bước cần thực hiện nếu điều kiện không thỏa mãn, gọi là nhánh sai

Câu 7: Công việc không hoạt động theo cấu trúc rẽ nhánh dạng đủ là:

A. Nếu trời mưa em sẽ ở nhà đọc truyện, ngược lại em sẽ đi đá bóng

B. Nếu một số chia hết cho 2 thì nó là số chẵn, ngược lại là số lẻ

C. Nếu mai trời vẫn mưa, đường vẫn ngập nước, em được nghỉ học ở nhà

D. Nếu cuối tuần trời không mưa cả nhà em sẽ đi picnic, ngược lại cả nhà sẽ ở nhà xem phim

Câu 8: Câu nào dưới đây là đúng?

A. “Nếu trời mưa thì em sẽ không đi dã ngoại với các bạn” có chứa cấu trúc tuần tự

B. “Nếu được nghỉ bốn ngày vào dịp Quốc khánh mừng 2 – 9 thì gia đình em sẽ đi du lịch tại Đà Nẵng, còn không sẽ có kế hoạch khác” có chứa cấu trúc rẽ nhánh

C. “Nếu vẫn chưa làm xong bài tập về nhà môn Toán, em phải làm bài tập cho đến khi nào xong thì dừng” có chứa cấu trúc rẽ nhánh.

D. “Nếu trời không mưa thì em đi đá bóng” có chứa cấu tuần tự

Câu 9: Trong các phát biểu sau về biểu thức điều kiện, ở cấu trúc rẽ nhánh, phát biểu nào đúng, phát biểu nào sai?

A. Phải là một biểu thức so sánh bằng giá trị

B. Phải là một biểu thức so sánh giá trị lớn hơn, nhỏ hơn

C. Khi kiểm tra phải cho kết quả là đúng

D. Cả A, B, C đều sai

Câu 10: “Nếu trời không mưa thì em đi đá bóng” có chứa cấu trúc nào?

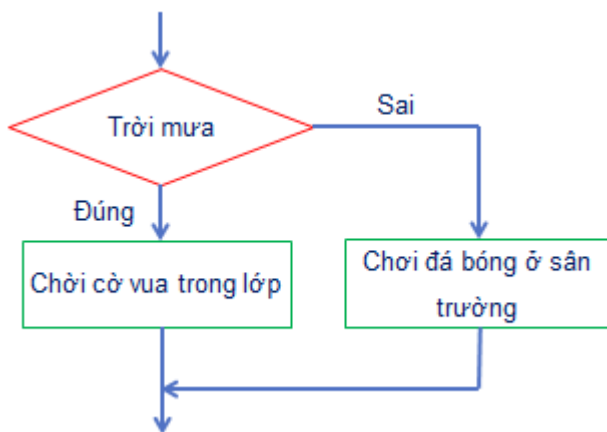
A. Cấu trúc tuần tự

B. Cấu trúc nhánh dạng thiếu

C. Cấu trúc nhánh dạng đủ

D. Cấu trúc lặp

Câu 11: Sơ đồ dưới đây thuộc cấu trúc:



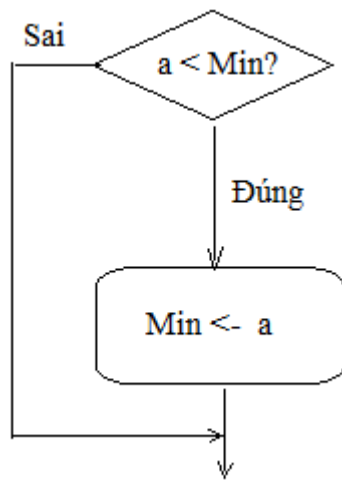
A. Cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu

B. Cấu trúc tuần tự

C. Cấu trúc rẽ nhánh dạng đủ

D. Cấu trúc lặp

Câu 12: Sơ đồ dưới đây là sơ đồ khối biểu diễn cấu trúc gì?



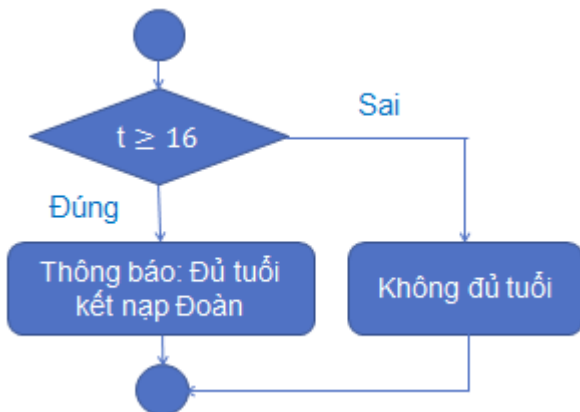
A. Tuần tự

B. Rẽ nhánh dạng thiếu

C. Rẽ nhánh đầy đủ

D. Lặp

Câu 13: Cho sơ đồ khối sau:



Bài toán từ sơ đồ khối trên là:

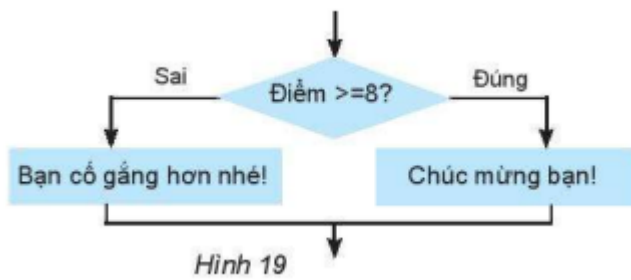
A. Học sinh cấp trung học bắt đầu được kết nạp Đoàn khi 12 tuổi đến 16 tuổi

B. Học sinh cấp trung học bắt đầu được kết nạp Đoàn khi vừa tròn 16 tuổi

C. Học sinh cấp trung học bắt đầu được kết nạp Đoàn khi lớn hơn 16 tuổi

D. Học sinh cấp trung học bắt đầu được kết nạp Đoàn khi đủ 16 tuổi

Cho sơ đồ khối sau, quan sát và trả lời câu hỏi 14, 15:



Câu 14: Sơ đồ khối thể hiện cấu trúc điều khiển nào?

- A. Cấu trúc rẽ nhánh dạng đủ.**
- B. cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu.
- C. Cấu trúc lặp.
- D. Cấu trúc tuần tự.

Câu 15: Bạn An được 8 điểm. Theo em, bạn nhận được thông báo gì?

- A. Không nhận được thông báo.
- B. “Bạn cố gắng hơn nhé!”.
- C. “Chúc mừng bạn!”.**
- D. “Chúc mừng bạn! Bạn cố gắng hơn nhé!”.

Câu 16: Bạn Hoàng xây dựng thuật toán cho nhân vật di chuyển trên sân khấu với quy luật như sau:

Nếu nhân vật gặp chướng ngại vật (chẳng hạn tảng đá), thì nhân vật sẽ đổi hướng trước khi tiếp tục di chuyển về phía trước. Nếu nhân vật không gặp phải chướng ngại vật, thì nhân vật tiếp tục tiến về phía trước.

Bạn Hoàng nên dùng loại cấu trúc điều khiển nào?

- A. Cấu trúc tuần tự.
- B. cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu.
- C. Cấu trúc lặp.
- D. Cấu trúc rẽ nhánh dạng đủ.**

Câu 17: Cho ba đồng xu trong đó có một đồng xu giả nhẹ hơn. Dùng cân thăng bằng để tìm ra đồng xu giả.

Các bước thực hiện thuật toán:

(1) Trái lại (cân lệch nghiêng): Kết luận đồng xu bên nhẹ hơn là giả.

(2) Lấy hai đồng xu bất kì đặt lên cân

(3) Nếu cân thăng bằng: Kết luận đồng xu còn lại giả

Thứ tự sắp xếp đúng là:

A. (2) – (1) – (3)

B. (2) – (3) – (1)

C. (3) – (1) – (2)

D. (3) – (2) – (1)

Câu 18: Cho các bước:

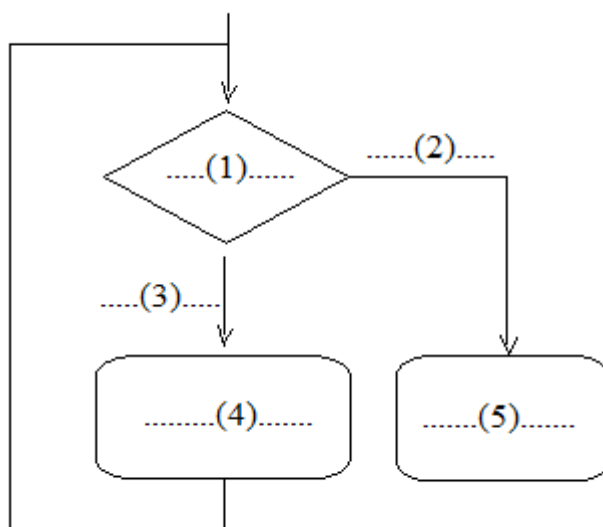
a. Bắn trúng hồng tâm

b. Chưa trúng hồng tâm?

c. Đúng

d. Sai

e. Dừng lại



Lần lượt các bước điền vào chỗ chấm là:

A. b – d – c – a – e

B. a – d – c – b – e

C. b – d – c – e – a

D. b – c – d – a – e

Câu 19: Cho thuật toán:

Đầu vào: bit c = bật hoặc tắt công tắc;

bit d = sáng hoặc tối đèn.

Đầu ra: báo hỏng.

Nếu (c ≠ d) : hỏng

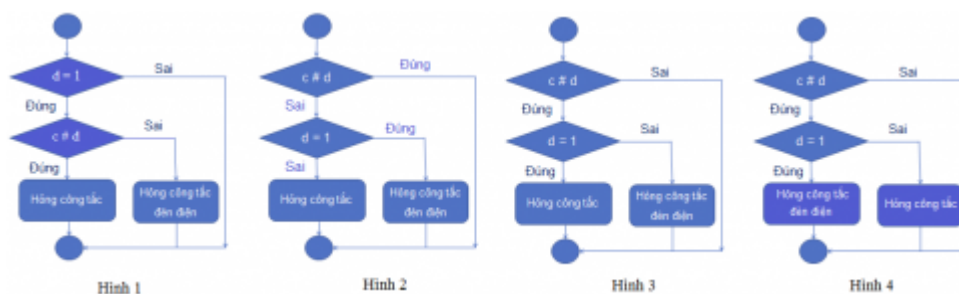
1. Nếu (d = 1): hỏng công tắc

2. Trái lại: Hỏng công tắc đèn

Hết nhánh

Hết nhánh

Sơ đồ nào dưới đây vẽ đúng từ thuật toán đã cho:



A. Hình 2

B. Hình 1

C. Hình 3

D. Hình 4